

MỤC LỤC
NỘI DUNG

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	01
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	03
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	04
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	05
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	09
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	11
Tiêu chuẩn 1	11
Mở đầu	11
Tiêu chí 1.1	11
Tiêu chí 1.2	15
Tiêu chí 1.3	18
Tiêu chí 1.4	22
Tiêu chí 1.5	24
Tiêu chí 1.6	26
Tiêu chí 1.7	28
Tiêu chí 1.8	30
Tiêu chí 1.9	32
Tiêu chí 1.10	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1	37
Tiêu chí 2.2	41
Tiêu chí 2.3	43
Tiêu chí 2.4	46
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	48
Tiêu chuẩn 3	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 3.1	49
Tiêu chí 3.2	51
Tiêu chí 3.3	53
Tiêu chí 3.4	56
Tiêu chí 3.5	57
Tiêu chí 3.6	60

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	62
Tiêu chuẩn 4	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 4.1	64
Tiêu chí 4.2	66
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	69
Tiêu chuẩn 5	69
Mở đầu	69
Tiêu chí 5.1	70
Tiêu chí 5.2	72
Tiêu chí 5.3	75
Tiêu chí 5.4	77
Tiêu chí 5.5	78
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	81
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	82
Tiêu chí 1	82
Tiêu chí 2	82
Tiêu chí 3	83
Tiêu chí 4	84
Tiêu chí 5	85
<i>Kết luận</i>	86
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	86

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Cụm từ viết tắt	Chữ viết tắt
1	Ban chấp hành	BCH
2	Ban giám hiệu	BGH
3	Cán bộ	CB
4	Cha mẹ học sinh	CMHS
5	Cơ sở vật chất	CSVC
6	Công nghệ thông tin	CNTT
7	Giáo dục	GD
8	Giáo viên	GV
9	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
10	Hoàn thành chương trình Tiểu học	HTCTTH
11	Hội đồng nhân dân	HĐND
12	Hội đồng tự quản	HĐTQ
13	Học sinh	HS
14	Kiểm định chất lượng	KĐCL
15	Ngoài giờ lên lớp	NGLL
16	Nhân viên	NV
17	Phổ cập Giáo dục	PCGD
18	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM
19	Thanh niên Cộng sản	TNCS
20	Thiếu niên Tiên phong	TNTP
21	Thi đua - Khen thưởng	TĐKT
22	Tổng phụ trách	TPT
23	Ủy ban nhân dân	UBND
24	Văn phòng	VP

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá (Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	---
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	---
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	---
Tiêu chí 1.8		x	x	---
Tiêu chí 1.9		x	x	---
Tiêu chí 1.10		x	x	---
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	---
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	---
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông, thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghĩa Hưng

Tỉnh: Nam Định	
Huyện: Nghĩa Hưng	
Thị trấn: Rạng Đông	
Đạt CQG: Mức độ 2	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Không có	
Công lập	x
Tư thực	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Đỗ Hồng Duy
Điện thoại	0985811278
Fax	
Website	thttrangdong.namdinh.edu.vn
Số điểm trường	03
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Số lớp	6	6	6	6	6	30
Số học sinh	195	200	140	203	154	892

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

a, Khối phòng phục vụ học tập: 32 phòng

Trong đó: Phòng học 30; phòng bộ môn: 2

b, Khối phòng hành chính quản trị: 7 phòng (gồm phòng HT, PHT, Y tế, Kế toán, thường trực bảo vệ)

c, Thư viện: 1 phòng

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG (01/5/2021)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	01				01	
Phó Hiệu trưởng	02	02			02	
Giáo viên	36	34		26	10	
Nhân viên	02	01			02	
Cộng	41	38		26	15	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	43	38	37	37	36
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,53	1,31	1,23	1,23	1,2
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,052	0,04	0,04	0,04	0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	4	0	2	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	1	0	1	0
...	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số học sinh	823	847	825	851	892
	- Nữ	364	372	368	389	406
	- Dân tộc	0	0	0	7	5
	- Khối lớp 1	175	206	152	206	195
	- Khối lớp 2	153	170	202	143	200
	- Khối lớp 3	164	148	165	200	140
	- Khối lớp 4	167	159	151	153	203
	- Khối lớp 5	164	164	155	148	154
2	Tổng số tuyển mới	175	206	152	206	182
3	Học 2 buổi/ngày	823	847	825	851	892
4	Bán trú					
5	Nội trú					
6	Bình quân số học sinh/lớp học	29,39	29,20	28	29	29,7
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	175/175= 100%	206/206 =100%	152/152= 100%	206/206= 100%	182/182= 100%
	- Nữ	74	92	71	95	85
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	1	0
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	45	70	5	55	133

9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	1	132	101
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	107	22	21	111	104
	- Nữ	49	9	10	41	46
	- Dân tộc thiểu số					
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0
	Các số liệu khác (nếu có)					

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	98,78%	97,75%	99,15%	99,41%	99,05%
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	94,02 %	96,18 %	95,57 %	94,19 %	97,89%
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	98,35 %	98,92 %	98,64 %	98,36 %	99,51%
Các số liệu khác (nếu có)					

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Tình hình địa phương

Thị trấn Rạng Đông nằm ở phía Nam huyện Nghĩa Hưng, có đường Tỉnh lộ 490c chạy qua, được phân bố ở 10 đơn vị Tổ dân phố. Thị trấn Rạng Đông có nhiều đồng bào theo đạo Thiên Chúa (48,5%). Nhân dân lao động tập trung chính là nghề trồng lúa, nuôi trồng thủy hải sản, đan cói,...

Thị trấn Rạng Đông là một thị trấn có bề dày truyền thống cách mạng và hiếu học. Đảng bộ nhiều năm liền là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Đảng bộ và Chính quyền thị trấn Rạng Đông rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Nhận thức của Đảng, Chính quyền và nhân dân về đổi mới bậc tiểu học đã có những chuyển biến tích cực. Đảng bộ thị trấn Rạng Đông đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ - Nghị quyết chuyên đề về nâng cao chất lượng giáo dục địa phương giai đoạn 2015-2020. Địa phương đầu tư nhiều công sức và tiền của cho sự nghiệp giáo dục. Đảng bộ và Chính quyền đã chỉ đạo tốt công tác xã hội hoá giáo dục. Nhân dân thị trấn Rạng Đông quan tâm đến việc học tập của con em, tạo điều kiện và nhắc nhở con em học tập ngày một tốt hơn. Trong thời kì đổi mới, thị trấn Rạng Đông được công nhận là thị trấn đạt chuẩn các tiêu chí về nông thôn mới năm 2016. Tháng 5 năm 2022 được công nhận chuẩn nông thôn mới nâng cao.

1.2. Tình hình nhà trường

Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông có 3 điểm trường đặt tại Tổ dân phố 1, Tổ dân phố 4 và Tổ dân phố 9, thị trấn Rạng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định, địa chỉ hòm thư điện tử: tieuhocrangdong@gmail.com. Website: thtrangdong.namdinh.edu.vn

Trải qua quá trình xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông đã có nhiều đổi mới và đạt được những thành tích xuất sắc:

- Năm 2000, nhà trường đã được Bộ GD công nhận đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 1996- 2000 và trường học văn hóa. Năm 2016 trường được công nhận Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II theo quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Nam Định. Năm 2016 trường được công nhận Trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn theo Quyết định số 6269/GĐ/SGDDĐT ngày 29/12/2016 của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định. Năm 2018 trường được công nhận đạt tiêu chuẩn Chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 1100/QĐ-SGDĐT ngày 21/5/2018 của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định. Thư viện đạt chuẩn Tiên tiến theo Quyết định số 957/QĐ/GĐ-SGDĐT. Từ năm học 1999- 2000 đến nay, trường liên tục được công nhận trường đạt danh hiệu **Tập thể Lao động Tiên tiến** và **Tập thể Lao động Xuất sắc**, đơn vị lá cờ đầu bậc tiểu học huyện Nghĩa Hưng.

- Năm học 2018- 2019 trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động Xuất sắc" theo Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định của UBND tỉnh Nam Định; được tặng Giấy khen theo quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Nghĩa Hưng.

- Năm học 2019- 2020 trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động Xuất sắc" theo

Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2020- 2021 trường đề nghị danh hiệu "Tập thể lao động Tiên tiến" theo Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND huyện Nghĩa Hưng; Được UBND tỉnh tặng Bằng khen theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm 2018; 2019; 2020; 2021 chi bộ nhà trường đạt danh hiệu "Chi bộ hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ " theo quyết định số 461-QĐ/HU ngày 16/01/2019 của Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng. Công đoàn nhà trường được Cờ thi đua Xuất sắc theo Quyết định số 23/QĐ- LĐLĐ ngày 5/7/2019 của LĐLĐ tỉnh Nam Định. Liên Đội được tặng Bằng khen của TW Đoàn theo Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của BCHTW Đoàn TNCSHCM;

Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông được thành lập tháng 8 năm 1969 với tên gọi là “Trường phổ thông cấp I Rạng Đông”, sau 17 năm thành lập, năm 1975 trường cấp I được đổi tên thành “Trường phổ thông cơ sở Rạng Đông” gồm cấp I và cấp II. Từ năm 1996, trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông được tách ra từ Trường phổ thông cơ sở Rạng Đông. Trải qua 52 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây nhờ sự giúp đỡ của các cấp: Sở GD - ĐT Nam Định, Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng, Phòng GD - ĐT, Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân thị trấn Rạng Đông và Hội cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp ổn định, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn thực hiện đúng đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện. Hiện nay nhà trường có 41 CB, GV, NV và 892 HS cùng với một hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học; cảnh quan môi trường xanh, sạch, gọn gàng. Với tổng diện tích là 14600 m², có đủ các hạng mục như: phòng học (30 phòng), phòng chức năng (5 phòng) được xây dựng kiên cố, đúng quy định. Vườn trường, sân chơi, bãi tập và các phòng chức năng với các trang thiết bị đầy đủ tạo điều kiện cho HS học tập và vui chơi. Trong 5 năm gần đây, kết quả học tập của học sinh và phong trào của nhà trường có nhiều tiến bộ: 100% HS lớp 5 HTCTTH; tỉ lệ HS lên lớp hàng năm đạt từ 99% đến 100 %. Số HS hoàn thành xuất sắc nội dung các môn học đạt từ 30% - 60%; có nhiều HS tham gia các cuộc giao lưu và đạt giải các cấp. Đến năm học 2021- 2022 trường có 05 giáo viên đạt danh hiệu "Giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện", trong có 3 giáo viên đạt danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh” và “ Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh”.

Nhờ có sự quan tâm của các ngành, các cấp đến nay nhà trường đã có nhiều thay đổi: Cảnh quan nhà trường thêm khang trang, sạch, đẹp; các thiết bị phục vụ dạy học được bổ sung hằng năm. Nhà trường có nhiều thuận lợi:

- Nhân dân thị trấn luôn có truyền thống hiếu học, đảng bộ, chính quyền địa phương, Phòng GD&ĐT luôn quan tâm và chỉ đạo phong trào GD của nhà trường.

- Đội ngũ CB, GV của nhà trường có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng luôn nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác. Có phẩm chất chính trị vững vàng, chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương.

- HS ngoan ngoãn, lễ phép, tích cực học tập và rèn luyện.

- CMHS thường xuyên quan tâm con em và tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường.

- CSVC của nhà trường đáp ứng để phục vụ các hoạt động giảng dạy và giáo dục.

Bên cạnh những thuận lợi trên, nhà trường còn gặp một số khó khăn như: một số trang thiết bị đã xuống cấp không còn đáp ứng được yêu cầu của việc dạy và học, chưa có những thiết bị hiện đại để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục như: bể bơi, thiết bị trong phòng học, phòng tin học, phòng tiếng Anh, các lớp học xuống cấp bị bong tróc tường và trần nhà... nên việc tổ chức các hoạt động GD còn gặp khó khăn.

Xuất phát từ thực trạng chất lượng GD&ĐT hiện nay trong các nhà trường phổ thông; để đảm bảo đạt được những chuẩn mực nhất định trong đào tạo và không ngừng cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo quyền lợi cho người học; tạo nguồn nhân lực có đầy đủ các phẩm chất năng lực và tri thức, đưa đất nước phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trường Tiểu học thị trấn Rạng đông đã thực hiện sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Nam Định, Phòng GD&ĐT Nghĩa Hưng triển khai công tác đánh giá chất lượng GD; rà soát để các tiêu chí của trường đạt KĐCLGD cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II theo thông tư 17/2018/TT- BGDĐT của Bộ GD&ĐT và thông tư 13/2020TT-BGDĐT của Bộ GD &ĐT về cơ sở vật chất để được công nhận theo đúng quy định. Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GD gồm 17 thành viên với đầy đủ các thành phần: cấp ủy Chi bộ, BGH, tổ chuyên môn, phụ trách các đoàn thể trong trường.

KĐCL GD và công nhận lại trường chuẩn Quốc gia mức độ II là dịp để đơn vị nhìn lại những gì mình đã làm được, những gì còn tồn tại so với quy định chuẩn để từ đó có định hướng khắc phục và cải tiến chất lượng trong thời gian ngắn nhất. Đây cũng là dịp đánh giá xếp loại được tất cả các tổ chức đoàn thể, CB-GV-NV cũng như các lĩnh vực hoạt động của nhà trường một cách khách quan khoa học.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá thực chất lượng GD, rà soát bổ sung các tiêu chí của quy định trường chuẩn Quốc gia để xác định rõ trường học đạt cấp độ nào? Từ đó đăng kí KĐCL, công nhận trường chuẩn Quốc gia để cấp trên công nhận, giúp nhà trường phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, đồng thời nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho nhà trường để không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả GD của nhà trường.

2. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của KĐCLGD, trường chuẩn quốc gia, hằng năm nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch tự đánh giá và tiến hành tự đánh giá một cách nghiêm túc, khách quan. Các thành viên của các bộ phận trong nhà trường đã chủ động, tích cực tham gia tự đánh giá.

Qua việc tự đánh giá hằng năm, những điểm yếu đã dần được khắc phục, đến nay nhà trường đã đạt các yêu cầu của KĐCLGD cấp độ 3 và đảm bảo các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ II, chuẩn xanh – sạch – đẹp – an toàn.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông đã có chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông và điều kiện thực tế. Năm học 2021 - 2022, trường có đủ 5 khối với 30 lớp học. Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số 513/PGDDT ngày 04/10/2019 của Trưởng phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hưng và có cơ cấu tổ chức hoạt động theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng của trường hoạt động tích cực, nền nếp sinh hoạt tốt, đã thực sự phát huy được hiệu quả khi triển khai hoạt động GD từ nhiều năm nay. Công tác quản lý các hoạt động trong nhà trường được tiến hành nền nếp, khoa học. Thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030:

a) Nhà trường đã xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển dựa trên những nguồn lực cụ thể:

Nhân dân địa phương có truyền thống hiếu học, nhận thức ngày càng tiến bộ về tầm quan trọng của GD cùng với sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương CMHS. Ngoài ra địa phương còn có nhiều nhà hảo tâm, con em quê hương ủng hộ, giúp đỡ, đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất.

Cán bộ quản lý có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Luôn năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công tác, luôn tự bồi

dưỡng để nâng cao nghiệp vụ. Có khả năng quản lý các mặt hoạt động của nhà trường. Có lối sống trong sáng, lành mạnh, ứng xử linh hoạt sáng tạo.

Đội ngũ CB, GV, NV đảm bảo về số lượng, có tuổi đời còn trẻ có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, tận tâm với nghề nghiệp. Có ý thức tự học hỏi, tự trau dồi. Môi trường sư phạm có văn hóa, lành mạnh, đoàn kết. Mỗi thành viên đều được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, chuyên môn của mình.

CSVC của nhà trường đầy đủ, luôn được cải tạo và nâng cấp để phù hợp với yêu cầu đổi mới GD.

CMHS nhiệt tình, tích cực đóng góp ý kiến, công sức để góp phần nâng cao các điều kiện dạy - học. Phối hợp tốt với nhà trường trong mọi hoạt động.

HS được quan tâm về mọi mặt, ngoan ngoãn, lễ phép, ham học. Luôn tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập và trong các hoạt động.

Từ những nguồn lực trên, nhà trường đã xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển một cách cụ thể và mang tính khả thi đó là:

- Duy trì ổn định về quy mô trường lớp, từng bước cải thiện môi trường GD, nâng cao hiệu quả GD để năm 2023 được đánh giá và công nhận đạt KĐCLGD cấp độ 3 và công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

- Giúp HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhằm hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của HS; chuẩn bị cho HS tiếp tục học lên Trung học cơ sở.

- Tạo dựng được môi trường học tập- rèn luyện theo hướng GD toàn diện và bền vững. Xây dựng được thương hiệu nhà trường uy tín, chất lượng và luôn có được niềm tin của ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương, được CMHS tin yêu và tín nhiệm.

- Duy trì bền vững và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn. Đảm bảo các tiêu chí để thị trấn Rạng Đông xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu bền vững. Đến năm 2030 trở thành trường điển hình về chất lượng giáo dục toàn diện trong huyện.

- Phần đầu có 100% CB, GV được đánh giá Khá - Tốt về năng lực chuyên môn trở lên. 100% CB, GV và NV sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm ứng dụng trong giảng dạy và công tác. 100% GV đạt chuẩn về trình độ trở lên (Hiện còn 20 GV đang theo học lớp Đại học khóa 2020-2022). Có đủ số lượng NV theo quy định, đảm bảo đạt chuẩn về trình độ. Xây dựng Hội đồng Sư phạm nhà trường đoàn kết, thân thiện.

- Năm học 2021 – 2022, trường có 892HS được chia thành 30 lớp, đạt tỷ lệ: 29,7 HS/lớp. Hằng năm, huy động 100% số trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 99,05% HS hoàn thành chương trình lớp học trong đó khoảng 25% đến 30% HS hoàn thành xuất sắc nội dung các môn học. HS được học kỹ năng sống theo kế hoạch 6 tiết/tuần, ngoài ra còn chú trọng tích hợp rèn kỹ năng sống trong các môn học, các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, ứng dụng giúp HS có kỹ năng cơ bản phù hợp với lứa tuổi và phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo.

- Xây mới các hạng mục như các công trình vệ sinh, nhà để xe cho học sinh, mái che khu vệ sinh GV và HS tại điểm trường TDP 9, tiếp tục cải tạo cảnh quan môi trường. Bổ sung các thiết bị hiện đại trong các phòng học và các phòng chức năng, cải tạo sân tập thể dục thể thao, bổ sung một số thiết bị vận động để đáp ứng yêu cầu giáo dục thể chất của HS. [H1-1.1-01]

b) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường đã được Trường phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hưng phê duyệt. [H1-1.1-01]

c) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại phòng Hội đồng nhà trường. Hiệu trưởng ra quyết định công khai kèm theo biên bản bắt đầu công khai và biên bản kết thúc công khai. Ngoài ra còn được công khai tới CMHS toàn trường trong cuộc họp CMHS đầu năm. Từ khi chiến lược xây dựng và phát triển được công khai đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong đó tập trung góp ý kiến vào các giải pháp để kế hoạch chiến lược thực hiện đúng tiến độ và mang tính khả thi cao. [H1-1.1-01]

Mức 2

Nhà trường đã công khai chiến lược phát triển tới Hội đồng trường, Ban đại diện CMHS, CMHS toàn trường, CBGVNV của nhà trường để theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch qua các việc làm cụ thể như: tăng cường CSVC; đổi mới phương pháp dạy học; việc nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của CB quản lý và GV, NV; việc xây dựng các điều kiện để KĐCL, công nhân trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II; việc xây dựng môi trường sư phạm có văn hóa, việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện... Việc thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường được rà soát trong dịp tổng kết năm học 2021 – 2022 của Hội đồng trường và của nhà trường. Năm học 2021 - 2022 đã giám sát việc thực hiện các mục tiêu về giáo dục HS; việc cải tạo cảnh quan môi trường, bổ sung các thiết bị cho các phòng chức năng, việc dạy kỹ năng sống cho HS giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên và kết quả học tập của học sinh. Còn một số nhiệm vụ trong phương hướng xây dựng và phát triển nhà trường dần hoàn thiện trong các năm tới chưa giám sát được như: chất lượng đội ngũ, việc xây dựng một số công trình phục vụ cho các hoạt động giáo dục. [H1-1.1-01]

Mức 3

Cuối học kỳ I năm học 2021- 2022, Hội đồng trường đã sơ kết để đánh giá việc thực hiện phương hướng chiến lược với toàn thể CB, GV, HS và CMHS trong phiên họp sơ kết học kỳ 1, trong cuộc họp CMHS toàn trường đầu học kỳ 2 để đánh giá, rà soát những gì đã thực hiện được và nêu rõ phương hướng trong thời gian tiếp theo. [H1-1.1-01]; [H1-1.8-03].

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng và tham gia của những tổ chức đoàn thể: Hội đồng trường (gồm 13 thành viên), chi bộ Đảng, BCH Công đoàn (gồm 3 thành viên), Bí thư Đoàn thanh niên, TPT Đội, ban đại diện CMHS cấp trường (gồm 5 thành viên). [H1-1.1-01]

2. Điểm mạnh

Chiến lược của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục Tiểu học được quy định tại Luật GD 2019 (tại điều số 2, Luật số: 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019) và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ thị trấn Rạng Đông nhiệm kỳ 2020 - 2025, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của HĐND thị

trần, với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD theo Nghị quyết của Đảng và phù hợp với sự phát triển của xã hội trong thời đại mới.

Nhà trường đã có những nguồn lực phù hợp để nâng cao thương hiệu, uy tín, tạo niềm tin vững chắc giữ vững là đơn vị lá cờ đầu về chất lượng GD toàn diện trong huyện.

Chiến lược được công khai theo đúng quy định và đã nhận được một số đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường.

Việc định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giúp chiến lược phát triển đảm bảo đúng tiến độ và phù hợp với thực tế của trường, của địa phương.

3. Điểm yếu

Việc công khai chiến lược phát triển chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

Các nguồn lực của nhà trường còn chưa đủ để thực hiện kế hoạch chiến lược.

Chưa có Quỹ khuyến học, khuyến tài để khích lệ được phát triển nhân tài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hiệu quả hoạt động trang Websie của nhà trường, công bố chiến lược phát triển trên trang Websie; - Thông báo chiến lược phát triển trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương. - Thông báo chiến lược phát triển trong các cuộc họp phụ huynh học sinh. - Huy động sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm; sự ủng hộ của chính quyền địa phương, của PGD, UBND huyện... 	<p>BGH, Hội đồng trường, Ban văn hóa-thông tin của TT, GV</p> <p>BGH, Hội đồng trường, PHHS, HKH</p>	<p>Hệ thống máy tính kết nối internet</p> <p>Thời gian</p>	<p>Trong năm học 2021 - 2022.</p> <p>Trong các năm học.</p> <p>Trong các năm học.</p> <p>Trong các năm học</p>	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2			Mức 3		
Chỉ	Đạt/ Không	Chỉ báo	Đạt/ Không	Chỉ	Đạt/ Không	Chỉ	Đạt/ Không

báo	đạt		đạt	báo	Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại điều 10 điều lệ trường Tiểu học theo Quyết định 513/PGDDT ngày 04/10/2019 gồm 11 thành viên trong đó có HT, PHT, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên, Tổng phụ trách Đội, các tổ trưởng chuyên môn và kế toán. Đồng chí Đỗ Hồng Duy làm Chủ tịch Hội đồng. Đồng chí Khương Thị Thảo làm thư kí hội đồng. Hằng năm, Hội đồng họp 3 lần đưa ra nghị quyết hội đồng trường [H1-1.2-01]

Mỗi năm học, nhà trường thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng Thi đua Khen thưởng nhà trường được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-TH gồm 41 thành viên trong đó có HT, PHT, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên, Tổng phụ trách Đội, các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, các GV và thư ký. Hội đồng tư vấn tâm lý năm học 2021– 2022 được thành lập ngay từ đầu năm gồm các thành viên: BGH, TPT Đội, các giáo viên có chứng chỉ về tư vấn tâm lý (đ/c Phạm Thị Đào, Lê Cao Sơn, Vũ Thị Nhân). [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường đã quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Hội đồng trường còn giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

Hội đồng trường có chức năng quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, tham gia xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.

Hội đồng trường quyết nghị về phương hướng hoạt động của nhà trường trong từng năm học, về chiến lược phát triển giai đoạn 2020- 2025 tầm nhìn đến năm 2030. Quyết nghị, sửa đổi các quy chế như: quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử có văn hóa trong nhà trường. [H1-1.2-01]

Hội đồng TĐKT giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CB-GV-NV-HS nhà trường vào cuối mỗi năm học, hoặc khi cần thiết. [H1-1.2-03]

Hội đồng chấm thi GVG, GV chủ nhiệm giỏi có nhiệm vụ chấm các nội dung trong hội thi GVG, GV chủ nhiệm giỏi cấp trường, tổng hợp kết quả và lựa chọn GV tham dự hội thi GVG, GV chủ nhiệm giỏi cấp huyện. [H1-1.2-02]

Hội đồng tư vấn tâm lí có nhiệm vụ định hướng cho HS có khó khăn về tâm lí, tình cảm, những bức xúc của lứa tuổi, những vướng mắc trong học tập và sinh hoạt. [H1-1.2-02]

c) Hội đồng trường họp định kỳ 3 lần/năm học, các hội đồng khác họp ít nhất 1 lần/năm học. Trong cuộc họp đầu năm các hội đồng đề ra phương hướng hoạt động trong năm học. Các cuộc họp tiếp theo sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình hoạt động. Chủ tịch các hội đồng đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, những hạn chế trong quá trình hoạt động có sự đóng góp ý kiến của các thành viên. Từ đó đề ra các biện pháp phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế. [H1-1.02-01]

Mức 2

Hội đồng trường đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết, các quy chế thường xuyên và có đánh giá nhận xét theo từng kì. Vì vậy nhà trường đã hoàn thành tốt nghị quyết trong từng năm học: 100 % CB, GV của nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy chế, môi trường sư phạm đoàn kết, thân thiện; 99,5% đến 100% HS hoàn thành chương trình lớp học trong đó có từ 40% đến 60% HS có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện, có nhiều HS đạt giải trong các cuộc giao lưu, nhiều đồng chí CB, GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua và giấy khen của các cấp, tập thể nhà trường luôn đạt danh hiệu "Tập thể lao động Xuất sắc". Trong nhiều năm, kết quả các mặt hoạt động của nhà trường được đứng trong top đầu của huyện, được CMHS tin yêu, tín nhiệm, được chính quyền địa phương tin tưởng.

Hội đồng TĐKT đã phát động các phong trào thi đua trong từng năm học và đề nghị nhà trường khen thưởng các tập thể và cá nhân vào cuối mỗi năm học và kết thúc mỗi đợt phát động phong trào thi đua. Chính vì vậy, chất lượng đội ngũ, chất lượng các cuộc giao lưu, các hội thi và kết quả học tập của HS được nâng lên rõ nét.

Hội đồng tư vấn tâm lí đã kịp thời tư vấn cho HS về cách phòng chống bạo lực học đường, kĩ năng tự bảo vệ bản thân, về giới tính, về sức khỏe, ... đã góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp HS thực hiện được ước mơ của mình. Từ đó CMHS, HS yên tâm, tin tưởng vào nhà trường.

Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm đã giúp đỡ, tư vấn, động viên khích lệ phong trào nên hằng năm 100% GV tham gia viết sáng kiến, có từ 10 đến 15 sáng kiến tham gia dự thi cấp huyện, có 5 sáng kiến kinh nghiệm đã được Sở KHCN cấp giấy chứng nhận như Đ/c Đỗ Hồng Duy –Nguyễn Thị Ngoãn, đ/c Lê Cao Sơn, đ/c Mai Thị Dung, đ/c Vũ Thị Thúy; có 9 sáng kiến kinh nghiệm đã được Sở GD&ĐT cấp giấy chứng nhận đạt loại tốt và khá như: Đ/c Lê Cao Sơn, Mai Thị Dung, đ/c Khương Thị

Thảo (năm học 2018-2019), đ/c Đỗ Hồng Duy –Nguyễn Thị Ngoãn, đ/c Mai Thị Dung, đ/c Vũ Thị Thúy (năm học 2019,2020, 2021), Đ/c Trần Thị Nhị năm học 2021, Khương Thị Thảo năm 2021. Năm học 2020-2021 có 5 sáng kiến được dự thi cấp Tỉnh, có 3 sáng kiến được Sở giáo dục Đào tạo Nam Định tặng Giấy khen. Năm học 2016 – 2017 Hội đồng chấm thi GV giỏi đã động viên, giúp đỡ đ/c (Lê Cao Sơn và Vũ Thị Thúy) thi GV giỏi cấp huyện đạt giải, đồng chí Lê Cao Sơn được PGD lựa chọn dự thi cấp tỉnh đạt giải Ba. Năm học 2018 – 2019, Hội đồng chấm thi GV chủ nhiệm giỏi đã động viên, giúp đỡ 4 đ/c (Vũ Thị Nhân, Lại Thị Trang, Mai Thị Dung, Đoàn Thị Phượng) thi GV chủ nhiệm giỏi cấp huyện đạt giải, đồng chí Vũ Thị Nhân được PGD lựa chọn dự thi cấp tỉnh đạt giải Nhì. Năm học 2020 – 2021 Hội đồng chấm thi GV giỏi đã động viên, giúp đỡ 2 đ/c (Vũ Thị Thúy và Lại Thị Trang) thi GV giỏi cấp huyện đạt giải, đồng chí Vũ Thị Thúy được PGD lựa chọn dự thi cấp tỉnh đạt giải Nhì. Năm học 2021-2022 có 5 đồng chí tham gia dự thi bài giảng điện tử E-Leaning được 5 giải trong đó đồng chí Vũ Thị Thúy đạt giải Nhì, Lê Cao Sơn, Vũ Thị Nhân, Vũ Thị Thơm đạt giải Ba và Mai Thị Dung được đánh giá đạt. [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.4-05]

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, Hội đồng TĐKT, Hội đồng tư vấn tâm lý và Hội đồng chấm SKKN, Hội đồng chấm GVG đã hoạt động thường xuyên, tích cực góp phần vào việc nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của nhà trường.

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường tiểu học và những văn bản chỉ đạo của ngành các cấp, đã giúp chất lượng GD toàn diện ngày càng tiến bộ, cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, chất lượng đội ngũ được nâng lên, được CMHS và nhân dân địa phương tin tưởng.

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã đánh giá, rà soát việc thực hiện các hoạt động một cách thường xuyên giúp nhà trường rút kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch nhiệm vụ trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Chế độ động viên khen thưởng cho các hoạt động phong trào như: việc viết SKKN, thiết kế bài giảng E-Leaning, các cuộc thi GVCN Giỏi; GV Giỏi.. còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/hợp/sát)	Điều kiện để thực hiện	Mức thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát động phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm, các cuộc thi trong các năm học.	BGH, TTCM	Thời gian, kinh phí	Thực hiện trong các năm học	
Điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý để dành phần kinh phí	Nhà	Kinh phí	Thực hiện trong các	10 triệu/

cho việc động viên khen thưởng CB, GV, NV tham gia các hoạt động phong trào.	trường,		năm học	năm
--	---------	--	---------	-----

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

- Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- Hoạt động theo quy định;
- Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Nhà trường có Chi bộ Đảng được Đảng bộ thị trấn Rạng Đông công nhận kết quả bầu cử theo Quyết định số 55-QĐ/ĐU ngày 21 tháng 01 năm 2020. Năm học 2021-2022, Chi bộ có 31 đảng viên, Ban chi ủy gồm: 01 Bí thư, 01 Phó bí thư, 01 ủy

viên. Bí thư là đồng chí Đỗ Hồng Duy- Hiệu trưởng nhà trường, đồng chí giữ chức vụ bí thư được 8 năm. Phó Bí thư là đồng chí Đoàn Thị Hà - Phó hiệu trưởng và giữ chức vụ Phó bí thư được 8 năm. Chi bộ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Công đoàn trường có 41 công đoàn viên. BCH Công đoàn được Liên đoàn Lao động huyện Nghĩa Hưng công nhận theo Quyết định số 126/QĐ-LĐLĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017, gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 01 Ủy viên. Chủ tịch công đoàn là đồng chí Dương Thị Cúc, đã giữ chức vụ Chủ tịch công đoàn được gần 20 năm.

Chi đoàn GV có 17 đoàn viên. BCH gồm 01 Bí thư là đồng chí Lê Cao Sơn , đồng chí Lê Cao Sơn giữ chức vụ Bí thư chi đoàn được 7 năm.

Liên đội TNTP Hồ Chí Minh gồm 357 đội viên, được biên chế thành 12 chi đội, đồng chí Nguyễn Thị Duyên là TPT được bổ nhiệm theo Quyết định số 20 /QĐ-THNB ngày 1 tháng 9 năm 2020. Toàn trường có 535 nhi đồng biên chế thành 18 chòm sao. [H1-1.3-01] ; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03] ; [H1-1.3-04].

b) Chi bộ Đảng đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2022-2025 vào tháng 04/2022. Sau đại hội, chi bộ đã xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho từng đảng viên. Chi bộ đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ, theo từng năm. Chi bộ sinh hoạt 1 lần/tháng sau mỗi phiên họp có nghị quyết chỉ đạo, có sinh hoạt theo một số chuyên đề. Năm học 2021– 2022 chi bộ xây dựng chương trình hành động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng giáo dục, rà soát, bổ sung các tiêu chí về cơ sở vật chất để được công nhận KĐCLGD cấp độ 3 và công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ II. Chi bộ đã chỉ đạo, giám sát và gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện công tác tư tưởng chính trị, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác. Chi bộ có đầy đủ hồ sơ và lưu trữ khoa học. Chỉ đạo nhà trường thực hiện tốt mục tiêu kép vừa đảm bảo phòng chống dịch vừa tận dụng thời gian vàng để dạy học, chỉ đạo chuyên môn xây dựng nội dung dạy học cốt lõi, tích hợp liên môn phù hợp tình hình dịch bệnh tại địa phương. Vào cuối mỗi năm chi bộ tổ chức kiểm điểm tập thể và từng đảng viên, bổ sung lí lịch đảng viên. Hằng năm chi bộ có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ các quần chúng ưu tú và cử đi học lớp bồi dưỡng đối tượng đảng. Trong nhiều năm liên tục chi bộ không có đồng chí nào bị kỉ luật. Tài chính của chi bộ được thu chi một cách công khai, minh bạch.

Công đoàn nhà trường tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2017 - 2022, sau khi đại hội BCH đã họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Công đoàn đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và từng năm học. Năm học 2021 – 2022 công đoàn xây dựng chương trình hành động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng giáo dục, rà soát, bổ sung các tiêu chí để được công nhận KĐCLGD cấp độ 3 và công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ II, thường xuyên quan tâm tới đời sống của từng công đoàn viên. Công đoàn nhà trường đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương đường lối của đảng, phối hợp với chuyên môn để triển khai nhiệm vụ các năm học, kiểm tra giám sát thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi của người lao động, nắm bắt những bất cập, khó khăn của công đoàn viên, nhắc nhở CĐV thực hiện phòng chống dịch Covid 19.

Chi đoàn GV tổ chức đại hội theo từng nhiệm kỳ, sau khi đại hội đã bầu ra bí thư để điều hành các hoạt động. Chi đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng năm học, phối hợp với liên Đội và Công đoàn nhà trường để thực hiện các hoạt động chung của nhà trường.

Liên Đội TNTP Hồ Chí Minh tổ chức đại hội theo nhiệm kì 1 lần/năm học. Đại hội đã bầu ra ban chỉ huy Liên đội để điều hành các hoạt động của Liên đội. Ban chỉ huy liên Đội đã xây dựng kế hoạch và phân công cho các thành viên phụ trách các hoạt động cụ thể. Hàng tháng, hàng kì ban chỉ huy liên Đội tổ chức họp để đánh giá các hoạt động.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Bình, Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]

c) Hằng năm, các tổ chức này có kế hoạch hoạt động và được sơ kết, tổng kết vào cuối kì 1 và cuối năm học để đánh giá các hoạt động, đồng thời đề ra phương hướng để lãnh đạo, chỉ đạo năm học tiếp theo. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03];

[H1-1.3-04]

Mức 2

a) Từ năm 2015 đến năm 2021 chi bộ đều hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2018 chi bộ được Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng đánh giá đạt "Chi bộ hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ " theo quyết định số 461-QĐ/HU ngày 16/01/2019 của Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng. [H1-1.3-01]

b) Trong nhiều năm, Công đoàn đạt danh hiệu "Công đoàn cơ sở vững mạnh". Năm học 2018-2019 Công đoàn được LĐLĐ tỉnh Cờ thi đua theo Quyết định số 23/QĐ- LĐLĐ ngày 5/7/2019 của LĐLĐ tỉnh Nam Định. [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]

Mức 3

a) Từ năm 2016 đến năm 2021 chi bộ đều hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2018 chi bộ được đảng bộ thị trấn tặng giấy khen “ Chi bộ đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo Quyết định số 31-QĐ/ĐU ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Đảng ủy thị trấn Rạng Đông. Năm 2019 chi bộ được đảng bộ thị trấn Rạng Đông tặng giấy khen "Chi bộ Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ có thành tích nổi bật" theo Quyết định số 42-QĐ/ĐU ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Đảng ủy thị trấn Rạng Đông. Năm 2020, chi bộ được đảng bộ thị trấn Rạng Đông tặng giấy khen "Chi bộ Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" theo Quyết định số 08-QĐ/ĐU ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Đảng ủy thị trấn Rạng Đông [H1-1.3-01]

b) Các đoàn thể trong nhà trường đã thúc đẩy các phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn, các phong trào do ngành phát động, các hoạt động tập thể theo chủ đề, chủ điểm, tích cực tham gia xây dựng tập thể nhà trường đoàn kết, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương. Vì vậy các hoạt động phong trào của nhà trường đạt được những thành tích đáng kể, nhà trường đã tổ chức được nhiều hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn như ngày 20/10; 20/11; 8/3 vui vẻ, ấn tượng được đông đảo CMHS tham gia. [H5-5.1-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các tổ chức đoàn thể như Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi Đoàn, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng. Cơ cấu tổ chức các đoàn thể trong nhà trường đảm bảo theo đúng Điều lệ của từng tổ chức giúp cho việc điều hành các hoạt

động của nhà trường được thuận lợi và mang lại hiệu quả.

Các tổ chức đoàn thể đã hoạt động tích cực theo đúng điều lệ của từng tổ chức. Giúp cho nhà trường đã cải tiến được chất lượng giáo dục, nâng cao hiệu quả của các hoạt động.

3. Điểm yếu

BCH Công đoàn chưa tổ chức được nhiều hoạt động nổi bật, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/hợp/sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào, phát động các đợt thi đua nhân dịp các ngày lễ lớn.	BCH Công đoàn		Trong các năm học	
Huy động nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường để tổ chức các HĐ	BCH Công đoàn		Trong các năm học	10 triệu đồng/năm.

5. Tự đánh giá:

Mức 1			Mức 2			Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ không đạt	Không	Chỉ báo	Đạt/ không đạt	Không	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt		A	Đạt		a	Đạt
b	Đạt		B	Đạt		b	Đạt
c	Đạt		-----			-----	
Đạt			Đạt			Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3 (nếu có):

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2021- 2022 trường có 30 lớp, BGH nhà trường gồm: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng, đảm bảo các vị trí và định mức số lượng quy định tại điều 4, điều 6 của Thông tư số:16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở GD công lập. [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]

- Hiệu trưởng:

+ Họ tên: Đỗ Hồng Duy

+ Ngày tháng năm sinh: 14/10/1974

+ Đã được bổ nhiệm làm PHT vào năm 1997; được bổ nhiệm làm HT tại trường vào năm 2014.

- Phó Hiệu trưởng :

+ Họ tên: Đoàn Thị Hà

+ Ngày tháng năm sinh: 10/8/1973

+ Đã được bổ nhiệm làm Phó HT từ năm 2003.

- Phó Hiệu trưởng :

+ Họ tên: Dương Thị Cúc

+ Ngày tháng năm sinh: 01/01/1974

+ Đã được bổ nhiệm làm Phó HT từ năm 2014.

b) Nhà trường có 5 tổ chuyên môn là Tổ 1, Tổ 2, Tổ 3, Tổ 4, Tổ 5 và 1 tổ VP được thành lập vào đầu mỗi năm học theo quy định tại điều 14, điều 15 điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020: Tổ chuyên môn 1 có 7 thành viên gồm các đồng chí giáo viên dạy khối 1 và giáo viên Âm nhạc do đồng chí Nguyễn Thị Phương làm Tổ trưởng, đồng chí Doãn Thị Sâm làm Tổ phó. Tổ chuyên môn 2 có 8 thành viên gồm các đồng chí giáo viên dạy khối 2 và 1 giáo viên Thể dục, 1 giáo viên Mĩ thuật do đồng chí Đoàn Phương Bắc làm Tổ trưởng, đồng chí Lê Cao Sơn làm Tổ phó. Tổ chuyên môn 3 có 8 thành viên gồm các đồng chí giáo viên dạy khối 3 và 2 giáo viên Tiếng Anh do đồng chí Bùi Thị Thảo làm Tổ trưởng, đồng chí Trương Thị Duyên làm Tổ phó. Tổ chuyên môn 4 có 7 thành viên gồm các đồng chí giáo viên dạy khối 4 và 1 giáo viên Tiếng Anh do đồng chí Phạm Thị Hồng Thắm làm Tổ trưởng, đồng chí Trần Thị Nhị làm Tổ phó. Tổ chuyên môn 5

có 7 thành viên gồm các đồng chí giáo viên dạy khối 5 và 1 giáo viên Thể dục, 1 giáo viên Tin học do đồng chí Khương Thị Thảo làm Tổ trưởng, đồng chí Vũ Thị Hồng Hạnh làm Tổ phó. tổ văn phòng có 2 đồng chí gồm các đồng chí là kế toán, NV Y tế, NV bảo vệ do đồng chí Nguyễn Ngọc Bằng làm tổ trưởng. [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]

c) Tổ chuyên môn và Tổ văn phòng căn cứ vào kế hoạch GD của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng năm học và được hiệu trưởng phê duyệt. năm học 2021- 2022 kế hoạch tổ chuyên môn và tổ văn phòng tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm là: nâng cao chất lượng GD, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất đối với lớp 2,3,4,5, giáo viên dạy lớp 1 chủ động xây dựng kế hoạch môn học và hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình GDPT 2018. Xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí để đạt trường đạt KĐCLGD cấp độ 3. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điều 18, điều 19 điều lệ trường tiểu học. [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn và tổ văn phòng căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường để xây dựng đề xuất một số chuyên đề như chuyên đề "dạy Tập làm văn theo phương pháp trải nghiệm"; chuyên đề "Dạy ngoài không gian lớp học". chuyên đề "Bàn tay nặn bột"; "dạy tích hợp liên môn" "Phụ đạo học sinh yếu"; "Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu"; Chuyên đề được thảo luận, chia sẻ trong các buổi SHCM và được các đồng chí GV trong toàn trường áp dụng vào việc dạy đạt hiệu quả. [H1-1.4-06]

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng cuối học kỳ và cuối mỗi năm học tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá, rà soát và điều chỉnh các hoạt động của tổ cho phù hợp với tình hình thực tế. [H1-1.4-03]

Mức 3

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã chỉ đạo việc thực hiện chương trình, việc đổi mới phương pháp dạy học, việc đánh giá học sinh và thống nhất một số nhiệm vụ trọng tâm hàng tháng, hàng tuần giúp cho việc thực hiện chương trình của các khối lớp được thống nhất và đảm bảo theo đúng kế hoạch, GV trong trường tích cực đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, nhiều GV đạt danh hiệu GV giỏi, GV chủ nhiệm giỏi cấp trường, cấp huyện; đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ học sinh đảm bảo đúng tiến độ. [H1-1.4-03]; [H1-1.4-05]

b) Tổ chuyên môn đã thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề giúp cho chất lượng giảng dạy của các khối lớp được nâng lên nhất là về phân môn tập làm văn và kỹ năng sống của học sinh. [H1-1.4-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cán bộ quản lý theo quy định tại khoản 1, 2 điều 11 của điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 và theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở GD công lập.

Nhà trường có các tổ chuyên môn, tổ VP theo đúng quy định tại điều 14, điều 15 Điều lệ trường Tiểu học.

Tổ chuyên môn đã đề xuất và thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ VP được thực hiện theo đúng kế hoạch, có nền nếp góp phần hoàn thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Năng lực quản lý hồ sơ của NV VP còn hạn chế

Năng lực về CNTT của NV VP còn hạn chế.

Nhân viên thư viện là nhân viên văn thư và chưa được đào tạo chính quy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên về CNTT - Động viên khích lệ để nhân viên tự học, tự bồi dưỡng.	Nhà trường, PGD	GV tin học bồi dưỡng	Năm học 2021-2022	5 triệu/năm
Tham mưu với các cấp lãnh đạo để tuyển dụng thêm NV thư viện	BGH		Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	B	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có 5 khối từ khối 1 đến khối 5, đầu năm học đến nay toàn trường có 30 lớp. [H1-1.5-01]

b) Học sinh được tổ chức theo lớp, mỗi lớp bầu 1 Chủ tịch HĐTQ, 02 Phó chủ tịch HĐTQ và các trưởng ban: trưởng ban học tập, trưởng ban văn nghệ, trưởng ban vệ sinh, trưởng ban nề nếp, trưởng ban đối ngoại, trưởng ban thư viện do tập thể lớp tín nhiệm bầu ra và có sự luân phiên thay đổi. Mỗi lớp có 1 GV làm công tác chủ nhiệm.

[H1-1.5-01]

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. HĐTQ của lớp được bầu công khai. Kế hoạch hoạt động của HĐTQ, của các ban do các em tự xây dựng cụ thể theo tuần, theo tháng và do chủ tịch HĐTQ, trưởng các ban điều hành. [H1-1.5-01]

Mức 2:

a) Từ năm học 2017 - 2018 đến năm 2021 - 2022 trường có từ 29 đến 30 lớp với số học sinh từ 820 đến 900 em. Năm học 2021- 2022 trường có 30 lớp với 892 HS.

[H1-1.5-01]

b) Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022 số lượng học sinh của mỗi lớp đều không vượt quá 35 em, năm học 2021 – 2022 khối 1, 2 và khối 4 khu trung tâm có sĩ số khá đông từ 36 đến 40 HS/ lớp. [H1-1.5-01]

c) Tổ chức lớp học được bố trí linh hoạt cho phù hợp với các hoạt động dạy học. Trong mỗi lớp HS được chia thành các tổ, nhóm học tập, ở mỗi nhóm học sinh được sắp xếp bao gồm các đối tượng để các em có thể giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động. Số lượng HS trong các nhóm tùy theo việc tổ chức các hoạt động, có thể là nhóm 2, nhóm 4 hoặc nhóm 6. Ngoài ra, mỗi lớp HS còn được chia thành các ban tùy theo năng lực, sở thích của HS và HS được tự nguyện tham gia hoặc không tham gia vào các ban. [H1-1.5-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5, tổng số lớp trong mỗi năm học đảm bảo không vượt quá 30 lớp. Mỗi lớp học được biên chế hợp lý, sĩ số các lớp đảm bảo theo tiêu chuẩn giúp cho GV chủ nhiệm và GV bộ môn làm tốt công tác giảng dạy và GD HS.

Cơ cấu tổ chức của mỗi lớp học hợp lý có vận dụng linh hoạt thành tố tích cực của mô hình trường học mới, HS được phát huy quyền dân chủ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Hội đồng tự quản các lớp 1; 2 hoạt động hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tập huấn hội đồng tự quản các khối 1; 2	GVCN, TPT, HĐTQ các lớp 3,4,5	Tài liệu tập huấn	Từ đầu năm học đến cuối học kì I các năm học	
Theo dõi và hỗ trợ hoạt động của HĐTQ các lớp	GVCN, TPT		Thường xuyên	
Tuyên dương, khen thưởng kịp thời những lớp HĐTQ hoạt động có hiệu quả.	BGH, GVCN, TPT		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	-----	
b	Đạt	B	Đạt	-----	
c	Đạt	C	Đạt	-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3 (nếu có):

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động GD theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học: Sổ đăng bộ, sổ PCGD tiểu học, sổ theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá HS; hồ sơ GD đối với HS khuyết tật; học bạ của HS; hồ sơ quản lý CB-GV-NV; sổ khen thưởng, kỷ luật; sổ tài sản, tài chính; sổ quản lý các văn bản, công văn, được lưu trữ theo từng năm học. [H1-1.6-01]

b) Nhà trường lập dự toán thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định và theo điều kiện thực tế của nhà trường. Hằng năm, căn cứ vào sự chỉ đạo của cấp trên, vào các quy chế đã được xây dựng, nhà trường quyết toán công khai tài chính 2 lần/năm. Định kì, nhà trường công khai tài chính, tài sản theo thông tư 61/2017 TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính và thông tư 36/2017/TT- BGDĐT ngày 28/12/2017.

Trong hội nghị CB-CC-VC hằng năm nhà trường đã thảo luận, thống nhất để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Từ năm 2018 căn cứ vào Thông tư số 40/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐNN ngày 07 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Nam Định nhà trường bổ sung chế độ chi hội nghị, chế độ công tác phí vào quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành. [H1-1.6-02] ; [H1-1.6-02]

c) Tài sản của nhà trường được quản lý và bàn giao vào đầu và cuối năm học. Tài chính của nhà trường chi theo đúng tiêu chuẩn, định mức được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.[H1-1.6-02]

Mức 2

a) Nhà trường đã sử dụng một số phần mềm để quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Phần mềm kế toán, phần mềm phổ cập, phần mềm "Vnedu đánh giá năng lực phẩm chất học sinh, cơ sở dữ liệu ngành, temis đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV" ... [H1-1.6-02]

b) Nhà trường được kiểm tra hành chính, tài sản, tài chính định kì theo kế hoạch của cấp trên (kiểm tra tháng 6/2022). Trong 05 năm gần đây không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. [H1-1.6-02]

Mức 3

Trong năm 2021-2022 nhà trường lập đề án, xây dựng kế hoạch, tờ trình đề nghị; Đảng ủy, UBND xã đã xây dựng chương trình hành động đầu tư nguồn tài chính xây dựng nhà hiệu bộ khu trung tâm, và bổ sung cơ sở vật chất, sửa chữa, nâng cấp phòng học, bổ sung thiết bị giai đoạn 2020- 2025. Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch vận động tài trợ đề tăng cường cơ sở vật chất trường học giai đoạn 2019- 2022 và mua sắm 30Ti vi thông minh lắp ở phòng học các lớp giá trị khoảng 430 000 000 đồng. [H1-1.6-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học; bước đầu lưu trữ được hồ sơ theo thông tư 27/2016/TT- BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ GD&ĐT.

Tài chính, tài sản của nhà trường sử dụng đúng quy định, đúng hướng dẫn của cấp trên và công khai theo đúng Thông tư 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Tài chính, Thông tư 36/2017/TT- BGD ngày 28/12/2017 của Bộ GD.

Nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT vào việc quản lí hành chính, tài sản tài chính giúp cho việc vận hành công việc được tốt hơn.

3. Điểm yếu

Các thành viên tổ VP phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên việc lưu trữ, sắp xếp hồ sơ, chưa thật đảm bảo theo yêu cầu và quy định của Luật lưu trữ và các quy định khác của pháp luật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tuyên truyền nghiên cứu, thực hiện lưu trữ như TT 27, TT 29 của BNV	NV, CB, GV	Các văn bản	Thường xuyên	
Tập huấn cho nhân viên phụ trách lưu trữ hồ sơ.	PGD	Đăng kí dự các lớp tập huấn	Trong các năm học	
Phối kết hợp mọi thành viên trường trong việc lưu trữ hồ sơ	BGH, NV	BGH, CB, GV	Thường xuyên	
Phân công thêm Gv ít tiết thực hiện việc thu thập và lưu trữ hồ sơ	BGH	GV	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	B	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CB quản lí, GV và NV như tham gia các lớp: Bồi dưỡng lý luận chính trị, học tập nâng cao trình độ. Năm học 2021- 2022 tập trung bồi dưỡng về các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, chương trình GDPT 2018, xây dựng KHGD nhà trường, KHDH các tổ khối, tập huấn các chuyên đề đổi mới dạy học tích cực, tận dụng thời gian vàng thực hiện tốt mục tiêu kép, tư vấn tâm lí cho HS, xây dựng trường học Hạnh phúc. [H1-1.7-01]

b) Đầu năm học ra quyết định phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lí cho từng CB, GV và NV đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế, năng lực của CB, GV. [H1-1.7-02]

c) Mọi CB, GV được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và các nhiệm vụ theo chuyên môn ; đảm bảo quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ trường Tiểu học. [H1-1.7-01]

Mức 2

Nhà trường đã phát động các phong trào thi đua, xây dựng các quy chế, động viên khen thưởng kịp thời và tạo điều kiện để đội ngũ được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Phân công giảng dạy và phụ trách các công việc được giao theo đúng năng lực, sở trường để phát huy năng lực của CB quản lí, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. [H1-1.7-01]

2. Điểm mạnh

CB, GV và NV của nhà trường làm việc theo đúng sự phân công, đúng chuyên môn giúp cho mọi hoạt động trong kế hoạch của nhà trường thực hiện theo đúng tiến độ, đảm bảo các chỉ tiêu đề ra.

Mọi thành viên được phát huy quyền dân chủ và đảm bảo các quyền theo quy định.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để CB, GV, NV được bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

Kinh phí dành cho việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Huy động các nguồn lực	BGH, CĐ		Các năm học	
Cân đối thu chi trong các năm học	BGH		Các năm học	3 triệu đồng/năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy và GD đúng theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và địa phương. Năm học 2021-2022, kế hoạch GD của nhà trường xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện chương trình theo đúng quy định của Bộ GD đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng; đổi mới phương pháp dạy học và các hoạt động GD, nâng cao chất lượng PCGD và xây dựng trường chuẩn quốc gia; trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, để đảm bảo thực hiện tốt chỉ đạo của Bộ GDĐT theo tinh thần công văn 3969/BGDĐT-GDTH ngày 10 tháng 9 năm 2021 và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT Nam Định, Phòng GDĐT Nghĩa Hưng, nhà trường đã kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch dạy học ứng phó với dịch bệnh với 3 phương án dạy học phù hợp với tình hình thực tế cụ thể. [H1-1.8-01]

b) Các nhiệm vụ trong kế hoạch GD được phân công cụ thể cho từng bộ phận phụ trách: Phó hiệu trưởng phụ trách chất lượng dạy và học, các hoạt động NGLL; xây dựng trường chuẩn quốc gia và KĐCL do hiệu trưởng phụ trách để giám sát, theo dõi nhiệm vụ. [H1-1.8-02]

c) Hàng tháng trong các phiên họp Hội đồng sư phạm; sơ kết kì I, tổng kết năm học nhà trường đã rà soát, đánh giá từng nhiệm vụ trong kế hoạch GD để phát huy những mặt mạnh và có những giải pháp khắc phục những hạn chế đồng thời có những điều chỉnh, bổ sung vào kế hoạch GD cho phù hợp. [H1-1.8-02], [H1-1.8-03]

Mức 2

Nhà trường xây dựng kế hoạch, thành lập ban kiểm tra cấp trường để quản lý các hoạt động GD, ban kiểm tra thực hiện theo từng tháng, từng đợt tập trung vào các nội dung: việc thực hiện chương trình giảng dạy, hồ sơ chuyên môn, trình độ tay nghề, việc thực hiện kế hoạch của các cá nhân, từng tổ chuyên môn và các đoàn thể. Sau mỗi lần kiểm tra ban kiểm tra đã đánh giá, rút kinh nghiệm và có những tư vấn kịp thời để CB, GV, NV phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những hạn chế thiếu sót vì vậy mọi nhiệm vụ trong kế hoạch giáo dục được thực hiện theo đúng tiến độ, đạt các chỉ tiêu đề ra. [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

Nhà trường đã có những biện pháp để phát huy năng lực của CB, GV, NV trong việc nâng cao chất lượng GD.

3. Điểm yếu

Việc quản lý tổ chức các hoạt động trải nghiệm trực tuyến chưa ổn định đường truyền, hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy năng lực của các thành viên trong trường	BGH, BCH CĐ, TTCM		Thường xuyên	
Thiết lập, lắp đặt các đường truyền Internet	BGH		Trong các năm học	
Thường xuyên kiểm tra đơn đốc; phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể	BGH		Trong các năm học	
Sau mỗi hoạt động đánh giá, rút kinh nghiệm	BGH, TPT, BT Đoàn, GVCN		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, trong hội nghị CB-CC-VC. CB quản lý, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch năm học, quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế chuyên môn, quy tắc ứng xử văn hóa, nội quy nhà trường theo quy định tại Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. CB, GV đã đóng góp các biện pháp để nâng cao chất lượng dạy và học, quy chế chi tiêu trong các hoạt động của nhà trường, các quy định trong quy chế làm việc, quy chế chuyên môn. [H1-1.9-01]

b) Trong nhiều năm liên nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nếu có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường sẽ giải quyết đúng pháp luật. [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]

c) Hằng năm, nhà trường có báo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. [H1-1.9-01]

Mức 2

Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường trường giám sát, đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ một cách công khai, dân chủ và được báo cáo công khai trong các buổi họp liên tịch, họp đoàn thể và họp hội đồng nhà trường.[H1-1.9-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được các quy chế dân chủ ở cơ sở.

Các quy chế dân chủ đã được thảo luận, đóng góp ý kiến, mọi thành viên trong trường đều thực hiện nghiêm túc các quy chế đã xây dựng.

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện các quy chế dân chủ được thực hiện một cách công khai, minh bạch.

3. Điểm yếu

Một số GV-NV đôi lúc còn chưa mạnh dạn trao đổi, đóng góp ý kiến xây dựng một số quy chế của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tạo môi trường làm việc thân thiện, cởi mở	BGH, BCH CĐ, GV, NV		Trong các năm học	
Giúp CB, GV nhận thức đúng đắn, có trách nhiệm trong việc đóng góp ý kiến xây dựng các quy chế.	BGH, BCH CĐ		Trong các năm học	
Tạo cơ hội để CB, GV, NV được bày tỏ ý kiến, lắng nghe trân trọng ý kiến đóng góp của mọi thành viên trong nhà trường	BGH, BCH CĐ		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, phòng chống dịch bệnh. [H1-1.10-01]

b) Nhà trường có hộp thư góp ý và cung cấp số điện thoại của Hiệu trưởng trong cuộc họp CMHS để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. [H1-1.10-01]

c) CB, GV và HS trong trường đều được đối xử công bằng. Không có hiện tượng kì thị, vi phạm giới tính, bạo lực trong nhà trường. HS được tôn trọng nhân cách, yêu thương, chia sẻ, động viên và giúp đỡ kịp thời. [H1-1.10-01]

Mức 2

a) Trong các buổi họp hội đồng SP, BGH đã phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích, an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường tới CB, GV, NV. GV chủ nhiệm các lớp triển khai các nội dung trên tới HS bằng nhiều hình thức như tuyên truyền, hướng dẫn, tích hợp trong các bài học, trong các tiết giáo dục kĩ năng sống. [H1-1.10-01]

b) Ban tư vấn tâm lí nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự (nếu có) và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Lắng nghe phản ánh từ CMHS và nhân dân.[H1-1.10-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự, an toàn cho HS, CBGVNV; thực hiện tốt các quy định về phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, cháy nổ trong trường,...

3. Điểm yếu

Chưa có đầy đủ các trang thiết bị phòng chống cháy nổ trong nhà trường, chưa được tập huấn thường xuyên về sử dụng phương tiện phòng chống cháy nổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Mua bổ sung trang thiết bị phòng chống cháy nổ	Hiệu trưởng	Kinh phí	Đầu năm học 2021-2022	5 triệu
Mời Công an huyện về tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ tới CB, GV, NV, HS	BGH	Tổ chức lớp tập huấn	Trong năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt			-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các nguồn lực của nhà trường đã được phòng giáo dục phê duyệt. Hội đồng trường được thành lập và thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của điều lệ trường tiểu học.

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, chi Đoàn TNCS Hồ Chí Bình, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng là những tổ chức độc lập nên rất thuận lợi trong sinh hoạt và hoạt động. Các tổ chức đều có kế hoạch, quy chế hoạt động, hoạt động có hiệu quả

và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ trường Tiểu học.

BGH nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học cụ thể theo đúng quy định và tính khả thi cao. Nhà trường thực hiện nghiêm túc quản lý chuyên môn, quản lý tài chính, quản lý HS; làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, công tác TĐKT nên có tác dụng tích cực trong việc động viên khích lệ kịp thời CB-GV-NV-HS góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện.

Hằng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện có hiệu quả các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh. Vì thế, nhà trường không xảy ra bất cứ vụ tai nạn thương tích, cháy nổ và ngộ độc thực phẩm nào đối với CB-GV-NV-HS.

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách được lưu trữ theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động bám sát nhiệm vụ của nhà trường, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn có hiệu quả.

Điểm yếu

Chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp

Tổ chức công đoàn và một số tổ chức khác trong nhà trường chưa tổ chức được các hoạt động tiêu biểu, sáng tạo.

Việc lưu trữ hồ sơ của nhà trường còn chưa đầy đủ, khoa học.

Kết quả:

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	---
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	---
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	---
Tiêu chí 1.8		x	x	---
Tiêu chí 1.9		x	x	---
Tiêu chí 1.10		x	x	---

BÁO CÁO TIÊU CHUẨN 2

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Đội ngũ CB quản lý, GV trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông được biên chế đầy đủ, ban giám hiệu có kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo yêu cầu của trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ II và Kiểm định chất lượng mức độ 3. GV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm, xây dựng khối đoàn kết vững chắc.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3 (nếu có):

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Quá trình công tác của đồng chí Đỗ Hồng Duy - Hiệu trưởng nhà trường:

- + Ngày tháng năm sinh: 14/10/1974
- + Năm tuyển dụng: Tháng 9/1993
- + Trình độ chuyên môn ban đầu: Trung cấp Sư phạm
- + Trình độ chuyên môn hiện nay: Đại học Sư phạm
- + Trình độ lý luận chính trị : Trung cấp.
- + Trình độ quản lí: Đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng CB quản lý GD.
- + Tuyển dụng: Tháng 9 năm 1993. Có 4 năm trực tiếp giảng dạy.
- + Bổ nhiệm Phó hiệu trưởng lần đầu tiên: tháng 9 năm 1997.
- + Bổ nhiệm Hiệu trưởng lần đầu tiên: 01 tháng 7 năm 2003

+ Từ tháng 7/2014 đến nay: là Hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông.

b) Quá trình công tác của đồng chí Đoàn Thị Hà – phó Hiệu trưởng nhà trường:

- + Ngày tháng năm sinh: 10/08/1973
- + Năm tuyển dụng: Tháng 9/1992
- + Trình độ chuyên môn ban đầu: Trung cấp Sư phạm
- + Trình độ chuyên môn hiện nay: Đại học Sư phạm
- + Trình độ lý luận chính trị : Trung cấp.
- + Trình độ quản lí: Đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng CB quản lý GD.
- + Có 11 năm giảng dạy
- + Bổ nhiệm Phó hiệu trưởng lần đầu tiên: tháng 12 năm 2003

c) Quá trình công tác của đồng chí Dương Thị Cúc- Phó hiệu trưởng

- + Ngày tháng năm sinh: 01/01/1974
- + Năm tuyển dụng: Tháng 9/1993
- + Trình độ chuyên môn ban đầu: Trung cấp Sư phạm
- + Trình độ chuyên môn hiện nay: Đại học Sư phạm
- + Trình độ lý luận chính trị : Trung cấp.
- + Trình độ quản lí: Đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng CB quản lý GD.
- + Có 21 năm giảng dạy
- + Bổ nhiệm Phó hiệu trưởng lần đầu tiên: ngày 15 tháng 10 năm 2014 [H2-2.1-01]

b) Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức đánh giá Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng theo đúng quy trình quy định chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học theo thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 4 năm 2011 và thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018, công văn 3256/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 17/5/2011, công văn số 630/BGDĐT-NGCBQLGD công văn hướng dẫn 4529/BGDĐT-NGCBQLGD về hướng dẫn xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy trình như sau: Đối chiếu với quy định chuẩn, Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng tự đánh giá xếp loại sau đó chủ tịch công đoàn chủ trì để hiệu trưởng, phó hiệu trưởng báo cáo kết quả tự đánh giá; CB, GV, NV tham gia góp ý và đánh giá. Tiếp theo, ban chấp hành công đoàn tổng hợp kết quả đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. Cuối cùng, trưởng phòng GD&ĐT trực tiếp đánh giá hiệu trưởng; hiệu trưởng đánh giá phó hiệu trưởng. Qua kết quả tổng hợp việc đánh giá hàng năm hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã được sự tín nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường. Kết quả đánh giá Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các năm đều được xếp loại Khá hoặc Xuất sắc. Đồng chí Hiệu trưởng hàng năm được trưởng phòng GD&ĐT nhận xét, đánh giá: có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, năng lực quản lí trường tiểu học vững vàng, phối hợp giữa nhà trường và địa phương hiệu quả. Các đồng chí trong BGH của nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua và được cấp trên tặng giấy khen. [H2-2.1-02]

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã tham gia học lớp bồi dưỡng quản lý GD và được cấp chứng chỉ lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý; tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Các đồng chí đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo điều 11 Điều lệ trường Tiểu học. Tuy nhiên khả năng giao tiếp về ngoại ngữ của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng còn hạn chế. [H2-2.1-03]

Mức 2

a) Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2021- 2022, kết quả đánh giá xếp loại hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học đều đạt mức khá trở lên. [H2-2.1-02]

b) Đồng chí hiệu trưởng đã tốt nghiệp lớp trung cấp lý luận chính trị vào tháng 3 năm 2008; đ/c Phó hiệu trưởng: Đoàn Thị Hà đã tốt nghiệp lớp trung cấp lý luận chính trị vào năm 2015; đồng chí phó hiệu trưởng Dương Thị Cúc đã tốt nghiệp lớp trung cấp lý luận chính trị vào tháng 9 năm 2018; các đồng chí đều có tinh thần trách nhiệm với công việc. Đồng chí hiệu trưởng được bổ nhiệm lại lần 3 chức danh hiệu trưởng vào tháng 7/2019 với số phiếu tín nhiệm tại Hội đồng sư phạm nhà trường đạt 100% được GV và NV trong trường tín nhiệm; đ/c Phó hiệu trưởng: Đoàn Thị Hà được bổ nhiệm lại lần 3 chức danh hiệu phó hiệu trưởng vào tháng 9/2018 với số phiếu tín nhiệm tại Hội đồng sư phạm nhà trường đạt 100% được GV và NV trong trường tín nhiệm; Đồng chí phó hiệu trưởng: Dương Thị Cúc được bổ nhiệm lại lần 2 vào tháng 10/2019 với số phiếu tín nhiệm tại Hội đồng sư phạm nhà trường đạt 100%. [H2-2.1-02]

Mức 3

Kết quả đánh giá xếp loại hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo quy định chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng từ năm học 2018 - 2019 đến nay đều đạt mức khá trở lên; năm học 2020-2021 đồng chí hiệu trưởng được phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hưng xếp loại Xuất sắc; các đồng chí hiệu phó được phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hưng xếp loại Khá [H2-2.1-02]

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng có số năm công tác đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Cả ba đồng chí đều có năng lực quản lý, trình độ chuyên môn vững vàng; tâm huyết, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Đồng chí hiệu trưởng là cán bộ cốt cán cấp Bộ; các đồng chí hiệu phó là cốt cán của phòng, của sở.

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đã qua lớp bồi dưỡng quản lý GD, có đủ sức khoẻ và năng lực để triển khai các hoạt động GD của nhà trường.

3. Điểm yếu.

Khả năng giao tiếp về ngoại ngữ của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn hạn chế

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
---	---	-------------------------------	---	-------------------------

Tiếp tục phát huy và bồi dưỡng năng lực quản lí, trình độ chuyên môn nghiệp vụ	BGH		Trong các năm học	
Tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ	BGH		Trong các năm học	2 triệu đồng/ năm
Tích cực tự học để bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ	BGH		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2			Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt	
b	Đạt	b	Đạt	-----		
c	Đạt	-----		-----		
Đạt		Đạt			Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;
- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3 (nếu có):

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hiện nay nhà trường có 36 GV trong đó GV văn hóa là 28 đồng chí, 8 đồng chí dạy các môn chuyên, tỷ lệ GV đạt 1,2 giáo viên/lớp; đảm bảo 100 % số lớp được học 2 buổi/ ngày. Các đồng chí đều có nghiệp vụ chuyên môn vững vàng. Trường có 8 GV chuyên : 01 GV dạy Tin học, 02 GV dạy GDTC, 01 GV dạy Âm nhạc, 01 GV dạy Mỹ thuật, 03 GV dạy Ngoại ngữ. TPT Đội TNTP Hồ Chí Minh là đồng chí Nguyễn Thị Duyên sinh ngày 25/04/1978 được bổ nhiệm làm TPT Đội vào tháng 9 năm 2020, đã được tham gia các lớp tập huấn về công tác Đội, lớp bồi dưỡng công tác tư vấn tâm lý. Đồng chí đã tích cực tự học, tự bồi dưỡng có khả năng tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động Đội sôi nổi, thu hút HS tích cực tham gia. Các đồng chí dạy các môn Âm nhạc, GDTC, Mĩ thuật, Tin học, Tiếng Anh đều là những đồng chí được đào tạo theo đúng chuyên ngành, có năng lực chuyên môn vững vàng, luôn năng động, sáng tạo trong mọi hoạt động của nhà trường. Hằng năm, 100% GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức và tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ. [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02]

b) 100% giáo viên của nhà trường có bằng tốt nghiệp từ Cao đẳng Sư phạm đúng chuyên ngành trở lên theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. [H2-2.2-04]

c) Cuối mỗi năm học nhà trường đều tổ chức đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học theo đúng quy trình: GV tự đánh giá, xếp loại sau đó tổ chuyên môn đánh giá, xếp loại và cuối cùng Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại; kết quả hàng năm: Có ít nhất 90% số GV được xếp từ loại Khá trở lên. [H2-2.2-03]

Cụ thể:

Xếp loại Năm học	Tổng số GV	Tốt		Khá		Đạt	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
2017 - 2018	43	29	67,44%	14	32,56%		
2018 - 2019	38	24	63,15%	14	36,85%		
2019 - 2020	37	25	67,56%	12	32,44%		
2020 - 2021	37	24	65,86%	13	34,14%		
2021 - 2022	36	24	66,66%	12	33,34%		

Mức 2

a) Đến năm học 2020- 2021 nhà trường có kế hoạch cử 20 GV đi học để nâng cao trình độ. Tỷ lệ GV đạt trình độ Đại học tăng dần theo các năm học. Năm học 2016- 2017 có 6 đồng chí đạt trình độ Đại học đạt tỷ lệ 16,2%, đến năm học 2021- 2022 có 10 đồng chí GV đạt trình độ Đại học đạt tỷ lệ 21,6%. [H2-2.2-01]

b) Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2017- 2018 đến năm 2021- 2022 nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên. [H2-2.2-02]

c) Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2017- 2018 đến năm 2021- 2022 nhà trường không có GV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-04]

Mức 3

a) Năm học 2021- 2022, tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo của nhà trường là 100% (trong đó trình độ Đại học đạt 21,6%) [H2-2.2-01]

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2017- 2018 đến năm học 2021- 2022 số GV đạt chuẩn nghề nghiệp của nhà trường ít nhất 80% đạt mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 29,72% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức Xuất sắc. [H2-2.2-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng cơ cấu GV để dạy các môn học bắt buộc theo quy định và các môn tự chọn là điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện việc dạy học 2 buổi/ngày. GV được phân công giảng dạy đúng chuyên môn đào tạo.

100% GV trong nhà trường đạt chuẩn về trình độ đào tạo. GV nhà trường vững vàng về chuyên môn, nhiệt tình tâm huyết; tích cực học hỏi chuyên môn, có uy tín đối với HS, CMHS và có niềm tin với các cấp lãnh đạo, các ban ngành tại địa phương.

3. Điểm yếu

Hiện tại nhà trường còn một số cán bộ, giáo viên chưa có bằng Đại học để đạt chuẩn theo điều lệ sửa đổi trường Tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch cử giáo viên đi học nâng cao trình độ	BGH		Trong các năm học	
Động viên giáo viên đi học nâng cao trình độ	BGH, BCH Đ		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt

b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3 (nếu có):

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2021-2022, nhà trường có 2 NV và một số GV kiêm nhiệm để làm công việc hành chính. Nhân viên được bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí công việc. NV trong tổ VP được tham gia vào các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức, được nhà trường tạo điều kiện bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ như tập huấn sử dụng phần mềm kế toán, cơ sở dữ liệu ngành, chế độ tài chính. [H2-2.3-01]

b) Nhân viên kế toán được phân công làm công tác kế toán kiêm nhiệm thêm công tác phổ cập. Nhân viên Y tế được phân công phụ trách Y tế học đường kiêm nhiệm văn thư, thủ quỹ. NV phụ trách CNTT do Đồng chí Nguyễn Thị Ngoãn GV Tin học kiêm nhiệm. Tất cả các đồng chí GV chủ nhiệm lớp đều kiêm nhiệm việc hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật. [H2-2.3-01]

c) NV nhà trường có năng lực, trình độ nghiệp vụ chuyên môn tốt, tích cực, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm với công việc, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

[H2-2.3-02]

Mức 2

a) Cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định của thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về hướng dẫn khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. [H2-2.3-01]

b) Trong các năm học liên tiếp từ năm học 2017- 2018 đến năm học 2021- 2022 không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.3-01]

Mức 3

a) NV nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: NV kế toán có trình độ Đại học chuyên ngành kế toán. NV y tế có trình độ Cao đẳng Y. Mỗi NV của tổ VP ngoài công tác chính còn kiêm nhiệm một số công tác khác. [H2-2.3-01]

b) NV trong tổ VP được tham gia các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức, được nhà trường tạo điều kiện cho bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ như sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm bảo hiểm, phần mềm phổ cập, chế độ tài chính. Cụ thể kết quả đánh giá công chức cuối năm như sau: [H2-2.3-01]

Năm học	Tổng số NV	Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành
2016 - 2017	3	1	2	
2017 - 2018	3		3	
2018 - 2019	2		2	
2019 - 2020	2		2	
2020 - 2021	2		2	

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu nhân viên theo vị trí việc làm.

Kế toán có trình độ nghiệp vụ vững vàng, công tác tài chính đảm bảo đúng quy định.

Nhân viên trong trường được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên y tế kiêm nhân viên VP nên việc lưu trữ, công tác nghiên cứu soạn thảo văn bản chưa khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác bồi dưỡng CMNV cho NV của tổ trong các năm học.	BGH, NV	Tự BD	Trong năm học các	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3 (nếu có):

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) HS của nhà trường đảm bảo đúng quy định về độ tuổi tại điều 40 điều lệ trường tiểu học. Từ năm học 2017- 2018 đến năm học 2021- 2022 tỉ lệ HS toàn trường học đúng độ tuổi đạt từ 98,79% đến 100%. Hằng năm, nhà trường huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. [H1-1.6-01]

Tỉ lệ HS đi học đúng độ tuổi trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Toàn trường		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2017-2018	823	100%	175	100%	153	100%	164	100%	167	100%	164	100%
2018-2019	847	100%	206	100%	170	100%	148	100%	159	100%	164	100%
2019-	825	100%	152	100%	202	100%	165	100%	151	100%	155	100%

2020												
2020-2021	851	100%	206	100%	143	100%	200	100%	153	100%	148	100%
2021-2022	892	100%	195	100%	200	100%	140	100%	203	100%	154	100%

b) 100% HS của trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của HS như: thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, NV và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. Rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân. Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương. HS thực hiện tốt các quy định về các hành vi HS không được làm như: vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể người khác; gian dối trong học tập, kiểm tra; gây rối an ninh, trật tự trong nhà trường và nơi công cộng. [H2-2.4-01]

c) HS được đảm bảo quyền được học tập, được xét lên lớp xét HTCTTH; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được chăm sóc và giáo dục hoà nhập (đối với HS khuyết tật) theo quy định, được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định. [H2-2.4-01]

Mức 2

Tất cả HS của nhà trường thường xuyên được quan tâm, giúp đỡ và GD về mọi mặt. HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được các thầy cô giáo kết hợp cùng gia đình phân tích, tư vấn, GD và có chuyển biến tích cực.

[H2-2.4-01]

Mức 3

Các em HS của trường ngoan ngoãn, chấp hành tốt mọi quy định của trường lớp; tích cực học tập và rèn luyện; tham gia đầy đủ các hoạt động của trường. Học sinh nhà trường luôn có ý thức tránh những hành vi không được làm như vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, thân thể của người khác. Không có HS kì thị trong lớp, trong trường. HS nhà trường trung thực trong học tập, không gây rối an ninh trật tự trong nhà trường và nơi công cộng. Nhiều HS tham gia các cuộc giao lưu và đạt giải các cấp. Kết quả khen thưởng cuối năm học của HS các khối lớp đạt từ 45% đến 65%.

[H2-2.4-01]

2. Điểm mạnh

HS nhà trường có truyền thống hiếu học, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người HS, được đảm bảo đủ các quyền theo quy định.

Hàng năm, trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đều đạt 100%.

100% học sinh lớp 5 HTCTTH.

3. Điểm yếu.

Việc phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu về môn Mĩ Thuật còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên theo dõi và phát hiện học sinh có năng khiếu trong quá trình giảng dạy	GV		Trong các năm học	0
Bồi dưỡng GV về nội dung hoạt động ngoài giờ lên lớp, kỹ năng phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu	BGH, GV		Trong các năm học	0
Tổ chức có hiệu quả hoạt động các câu lạc bộ	BGH, GV		Trong các năm học	0

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 2

* Điểm mạnh

BGH nhà trường có đủ năng lực để triển khai có hiệu quả các hoạt động GD.

100% GV trong trường đã được đào tạo với trình độ chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng với yêu cầu GD hiện nay. Đội ngũ GV tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc.

Các NV đều có trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên. Các chế độ, chính sách cho GV, NV được đảm bảo đầy đủ theo quy định.

Nhà trường đã đảm bảo đúng quy định về tuổi HS. HS của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và không vi phạm quy định những hành vi HS không được làm.

HS của nhà trường luôn được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Những HS có năng khiếu, năng lực được tham gia các hoạt động GD nhằm phát triển năng khiếu, năng lực. HS khuyết tật được chăm sóc và GD hoà nhập theo quy định.

Điểm yếu

Khả năng giao tiếp ngoại ngữ của ban giám hiệu còn hạn chế.

Việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Mỹ Thuật còn hạn chế.

Kết quả

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		<i>Mức 1</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 3</i>
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

CSVC và trang thiết bị là yếu tố đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy học, là điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng dạy học, nó cũng là phương tiện giúp nhà trường thực hiện thành công hoạt động GD và dạy học.

Hệ thống CSVC của trường đầy đủ theo đúng quy định của trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, trường chuẩn “Xanh- sạch- đẹp - an toàn” chuẩn thư viện. Các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng CSVC và trang thiết bị GD hiện có được sử dụng một cách có hiệu quả.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3 (nếu có):

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông có khu trung tâm đặt tại Tổ dân phố 4 – thị trấn Rạng Đông và 2 điểm trường: điểm trường Tổ dân phố 1 đặt tại tổ dân phố 1 – thị trấn Rạng Đông, điểm trường Tổ dân phố 9 đặt tại tổ dân phố 9 – thị trấn Rạng Đông, thuận lợi cho HS đi học và cha mẹ HS đưa đón con đi học, đảm bảo yêu cầu về vị trí các điểm trường theo khoản 1 Điều 40 của Điều lệ trường Tiểu học. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường và môi trường xanh, sạch, đẹp theo quy định của Bộ GD - ĐT đã được công nhận đạt Chuẩn trường Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn vào tháng 12/2016. Nhà trường có tổng diện tích 14600m² (Khu trung tâm: 7600m², điểm trường Tổ dân phố 9: 4000m², điểm trường Tổ dân phố 1: 3000m²) bình quân 17,7m²/HS. Sân trường với diện tích 4500 m² (Khu trung tâm: 3450 m², khu 1: 470 m² khu 9: 580 m²). Sân tập 1500 m² (Khu trung tâm: 600 m², khu 1: 450 m² khu 9: 450 m²). Trường có vườn thực nghiệm tổng diện tích 4290 m² (Khu trung tâm: 240 m², khu 1: 2750 m² khu 9: 1300 m²) vườn cây ăn quả với diện tích 610m² (Khu trung tâm: 400 m², khu 1: 100 m² khu 9: 110 m²) trồng các loại cây ăn quả như xoài, mít, bưởi, hồng xiêm, khế, dứa... để HS được quan sát, thực hành và học tập. được trồng nhiều cây xanh, cây hoa, cây cảnh... trong đó chủ yếu là cây có bóng mát được sắp xếp hợp lý, vừa tạo bóng mát cho HS vui chơi, vừa tổ chức các hoạt động GD cho HS và tổ chức các tiết học ngoài không gian lớp học, đồng thời giáo dục các em tình yêu thiên nhiên, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường. Trường thuộc vùng nông thôn có không khí trong lành, không gian yên tĩnh tạo môi trường giáo dục rất tốt cho GV và HS trong công tác dạy và học. [H3-3.1-01]

b) Trường có cổng, biển, tên trường được trình bày theo đúng nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 của Điều lệ trường tiểu học bao gồm tên UBND huyện, Phòng GD&ĐT, tên trường và địa chỉ của nhà trường. Xung quanh trường được xây dựng tường cao 2,50 m; chiều dài 884 m (Khu trung tâm: 414 m², khu 1: 240 m² khu 9: 230 m²) kiên cố bảo đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. [H3-3.1-01]

c) Có sân chơi diện tích 4500 m² (Khu trung tâm: 3450 m², khu 1: 470 m² khu 9: 580 m²) để học sinh vui chơi an toàn, thân thiện; sân tập thể dục thể thao riêng biệt với diện tích 1500 m² (Khu trung tâm: 600 m², khu 1: 450 m² khu 9: 450 m²), có đường chạy điền kinh, có gôn đá bóng, có bàn bóng bàn để cho HS tập luyện, vui chơi. [H3-3.1-02]

Mức 2

a) Sân chơi với diện tích 4500 m² (Khu trung tâm: 3450 m², khu 1: 470 m² khu 9: 580 m²), sân tập thể dục thể thao với diện tích 1500 m² (Khu trung tâm: 600 m², khu 1: 450 m² khu 9: 450 m²), đảm bảo cho HS vui chơi, học tập an toàn, thân thiện. Tổng diện tích sân chơi bãi tập của nhà trường chiếm 41,09% diện tích toàn trường. Thảm cỏ, diện tích trồng cây xanh chiếm 33,56%. [H3-3.1-01]

b) Sân chơi, sân tập rộng rãi đảm bảo cho HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả. [H3-3.1-01]

Mức 3

Sân chơi được đổ bê tông chống trơn trượt, đảm bảo thẩm mỹ. Sân tập bằng phẳng, sạch sẽ, đảm bảo an toàn, có bàn luyện tập bóng bàn. Sân tập trồng cỏ và được cắt thường xuyên, có cây xanh, có hệ thống thoát nước tốt. [H3-3.1-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích rộng, thoáng mát, sạch sẽ, mặt bằng xây dựng bình quân trên 1 HS vượt so với quy định mặt bằng xây dựng của trường khu vực nông thôn.

Khuôn viên trường được quy hoạch rất hợp lý, có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh đảm bảo an toàn, thẩm mỹ.

Diện tích sân chơi, sân tập thể dục đảm bảo quy định, cây bóng mát, cây cảnh hợp lý, phân bố đều trên sân tạo không gian mát mẻ, không khí trong lành. Có thiết bị vận động cho HS tập luyện, vui chơi.

3. Điểm yếu:

Chưa có nhà đa năng để học sinh tập luyện và tổ chức các hoạt động khi thời tiết nắng, mưa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với Đảng ủy, UBND thị trấn hoàn thành đề án và tiến hành xây dựng nhà đa năng	BGH		Trong 2 năm	1250 triệu

5. Tự đánh giá:

Mức 1			Mức 2			Mức 3		
Chỉ báo	Đạt/ không đạt	Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ không đạt	Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ không đạt	Không đạt
a	Đạt		a	Đạt		*		

b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3 (nếu có):

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có 30 phòng học đủ mỗi lớp một phòng học riêng. Hệ thống phòng học được xây dựng kiên cố, an toàn. Trong mỗi phòng học được bố trí theo các góc để phục vụ việc học tập và các hoạt động GD như góc học tập, góc sinh nhật, góc cộng đồng, hòm thư cá nhân, góc sáng tạo,..các góc được bố trí hợp lí, tạo không gian thân thiện, tiện lợi, an toàn khi sử dụng. Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho GV và HS theo quy định về vệ sinh trường học. [H3-3.2-01]

b) Nhà trường có 455 bộ bàn ghế (Khu TT: 308 bộ; Khu 9: 109 bộ; khu1: 38 bộ) đủ bàn ghế cho HS sử dụng đảm bảo theo sĩ số của từng lớp. Tất cả các phòng học của nhà trường đều là bàn 2 chỗ ngồi, ghế HS 1chỗ ngồi, đảm bảo an toàn và phù hợp với HS theo từng độ tuổi. Kích thước, màu sắc, kiểu dáng phù hợp với quy định trong TCVN 7490.

Mỗi lớp học có bàn và ghế GV; 100% bảng trong các lớp học là bảng từ sơn xanh chống loá. [H3-3.2-01]

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt. Bình quân mỗi phòng học lắp 4 bóng điện tuýp; 4 quạt trần và 1 quạt treo tường. Mỗi phòng học đều có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học và các góc hỗ trợ hoạt động giáo dục đảm bảo khoa học, thẩm mỹ, tiện lợi khi sử dụng. [H3-3.2-01]

Mức 2

a) Phòng học với diện tích 48m²/phòng đạt tiêu chuẩn theo quy định (1,25 m²/HS)

b) Mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị dạy học kích thước hợp lý, các thiết bị dạy học được phân chia thành các góc học tập tương ứng với từng môn học. Các thiết bị dạy học được sắp xếp hợp lý, gọn gàng thuận tiện khi sử dụng. [H3-3.2-01]

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS theo quy định của thông tư 26/2011/TTLT- BGDĐT- BKHCN-BYT ngày 16/6/2011. Bàn ghế có kích thước phù hợp, chất liệu nhẹ nhàng, thuận tiện, an toàn khi di chuyển. Màu sắc, kiểu dáng phù hợp với HS tiểu học. [H3-3.2-01]

Mức 3

Nhà trường có các phòng riêng biệt để dạy các môn như phòng Tin học diện tích 48m², phòng Âm nhạc diện tích 48m², phòng Mỹ thuật diện tích 48m², 1 phòng Ngoại ngữ có diện tích 48m². [H3-3.2-01]

2. Điểm mạnh

Số lượng phòng học đạt tỉ lệ 1 phòng/ lớp, đáp ứng đầy đủ cho HS học 2 buổi/ngày. Bàn ghế đúng quy cách.

Phòng học đảm bảo đúng quy định, đảm bảo an toàn cho GV, HS theo quy định về vệ sinh trường học.

Thiết bị trong các phòng học được trang bị để phục vụ học tập và được bổ sung hàng năm.

3. Điểm yếu

Phương tiện hiện đại phục vụ cho hoạt động dạy và học trong các phòng học còn hạn chế.

Chưa đủ phòng hỗ trợ học tập Tin học cho khu 1, khu 9; Tiếng Anh khu 1, khu 9

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp trên	BGH		Năm học tới	
Làm tốt công tác xã hội hóa bổ sung CSVC, trang thiết bị	BGH, GV, PH		Các năm học	

phục vụ cho các hoạt động GD, đặc biệt là các thiết bị dạy - học hiện đại.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính- quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính- quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3 (nếu có):

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1.Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có phòng giáo dục Mỹ thuật, phòng Âm nhạc, phòng học Tin học có diện tích 48 m², phòng truyền thống và hoạt động Đội có diện tích 24 m², các thiết bị được lắp đặt an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Phòng Mỹ thuật gồm các giá vẽ, bàn ghế được thiết kế thuận tiện cho HS vẽ và làm các sản phẩm. [H3-3.3-01]

b) Khối phòng hành chính quản trị gồm: phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng Hội đồng, phòng kho, phòng bảo vệ, phòng Y tế, phòng Kế toán đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính- quản trị của nhà trường. Các phòng đều được trang bị bàn ghế, tủ, máy vi tính và các phương tiện làm việc phù hợp. [H3-3.3-02]

c) Nhà để xe cho GV diện tích 110 m² (khu trung tâm: 66 m²; khu 9: 24 m²; khu 1: 20 m²) đủ chỗ để sắp xếp xe cho GV. Nhà để xe của GV được tu sửa hàng năm đảm bảo che nắng, che mưa và được bố trí địa điểm hợp lý, an toàn, xe được sắp xếp gọn gàng, trật tự.

Mức 2

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định:

Phòng Hội đồng, có diện tích 48 m²/phòng. Phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế học đường, phòng thiết bị, phòng Kế toán, phòng truyền thống và hoạt động Đội, phòng bảo vệ có diện tích từ 24 đến 48 m². [H3-3.3-02]

b) Nhà trường sử dụng các tủ để lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung. Ngoài ra hồ sơ, tài liệu riêng của từng bộ phận như kế toán, quản lý, y tế, phổ cập, thư viện,... được bảo quản ở phòng riêng. [H3-3.3-02]

Mức 3:

Nhà trường có tất cả 25 máy tính, 5 máy in trong đó có 7 máy tính, 5 máy in phục vụ cho công tác quản lý hành chính và phục vụ cho công tác soạn giảng, tra cứu tài liệu, sử dụng phần mềm *Vnedu*. Phòng Tin học 18 máy tính và đầy đủ bàn ghế. Phòng Âm nhạc có đàn, bàn ghế, hệ thống điện được lắp đặt an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Tất cả máy tính các phòng đều được kết nối internet để phục vụ cho việc học tập của HS và làm việc của CB, GV, NV.

Phòng học Ngoại ngữ có đầy đủ bàn ghế, loa đài, tivi thông minh có kết nối Internet.

Phòng y tế của nhà trường có diện tích 24 m². Có các trang thiết bị như: tủ thuốc, giường bệnh, cân đo chiều cao, đo thân nhiệt điện tử, dụng cụ sơ cứu, ... Tủ thuốc của nhà trường được kiểm tra thường xuyên, đảm bảo số thuốc, hạn sử dụng của thuốc theo quy định của quyết định số 1221/QĐ- BYT ngày 7/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường của các trường tiểu học.

Thư viện nhà trường tổ chức hoạt động theo mô hình Room to read thân thiện với học sinh, có các đầu sách phục vụ học tập, tham khảo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, sách giáo khoa để hỗ trợ học sinh khó khăn, có máy tính kết nối internet, có màn hình máy chiếu để phục vụ hoạt động của thư viện.

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị giúp HS được thực hành luyện tập, được bồi dưỡng năng khiếu, được chăm sóc sức khỏe, được đọc sách, truyện, tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc học tập và giải trí.

[H3-3.3-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường tiểu học hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

Các phòng có đầy đủ những trang thiết bị tối thiểu.

3. Điểm yếu

Còn thiếu một số trang thiết bị ở phòng học Ngoại ngữ, Tin học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp trên về kế hoạch bổ sung trang thiết bị phòng ngoại ngữ, tin học	BGH		Trong năm học 2022- 2023	
Vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm.	BGH, PH		Trong năm học 2022 -2023	100 triệu

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có khu vệ sinh xây dựng đúng quy cách, riêng biệt cho GV và HS. Khu vệ sinh dành cho GV rộng 22 m², được chia thành 2 khu riêng cho nam và nữ. Khu vệ sinh dành cho HS rộng 108 m², được chia thành 2 khu riêng cho nam và nữ với các thiết bị hiện đại đảm bảo an toàn, tiện lợi khi sử dụng và thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập. Khu vệ sinh của GV và HS đều là khu vệ sinh tự hoại đảm bảo an toàn, hàng ngày được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ không bốc mùi gây ô nhiễm môi trường, không ảnh hưởng đến sức khỏe. [H3-3.4-01]

b) Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế khoa học, các rãnh nước có nắp đậy, không có tình trạng ứ đọng nước khi trời mưa, đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường.

Nhà trường sử dụng nước uống và nước sinh hoạt là nước máy sạch, được lọc qua hệ thống máy lọc tinh khiết đảm bảo an toàn. Nước được chứa trong các téc có nắp đậy, được đánh rửa thường xuyên, sau đó được đưa đến các cây nước đảm bảo có nước nóng, nước sạch cho học sinh sử dụng. [H3-3.4-02]

c) Nhà trường bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để đựng rác. Rác được phân loại và xử lý bằng phương pháp vi sinh. [H3-3.4-01]

Mức 2

a) Khu vệ sinh được xây dựng ở góc phía sau trường và khu cầu thang, phù hợp với cảnh quan nhà trường với diện tích và các thiết bị theo quy định của nhà vệ sinh đạt chuẩn. [H3-3.4-01]

b) Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt và có lối ra vào riêng và nằm ở cuối chiều gió. Rác được thu gom hàng ngày và phân loại những rác thải có thể xử lý thì xử lý tại chỗ, những rác thải không xử lý được tại chỗ thì vận chuyển tới nơi xử lý tập trung. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường. [H3-3.4-01]

2. Điểm mạnh

Có công trình vệ sinh cho CB, GV, NV và HS riêng, có nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ. Công trình vệ sinh được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường, thuận tiện, an toàn, sạch sẽ.

Sử dụng 100% nước sạch cho sinh hoạt và khu vệ sinh; việc thu gom, xử lý rác thải đảm bảo yêu cầu.

3. Điểm yếu:

Một số thiết bị nhà vệ sinh chưa được hiện đại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thay thế thiết bị nhà vệ sinh	BGH, PHHS	Vận động các nhà hảo tâm	Trong năm học 2021-2022	10 triệu

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3 (nếu có):

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Mức 1:

- a) Nhà trường có các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác như: 01 bộ bàn ghế phòng họp, 8 bộ bàn ghế làm việc trong các phòng hành chính- quản trị; 37 tủ đựng tài

liệu, đồ dùng học tập; 25 máy vi tính; 05 máy in; 2 máy chiếu; 03 bộ thiết bị âm thanh; 03 loa di động ; 02 cây nước nóng lạnh phục vụ cho GV, HS. Các thiết bị trên đều hoạt động tốt. [H3-3.5-01]

b) Nhà trường có 28 bộ đồ dùng dạy học được cấp phát từ năm 2002 bắt đầu thay sách; có 6 bộ đồ dùng lớp 1 được cấp từ năm 2020. Ngoài ra, nhà trường còn có một số đồ dùng, thiết bị dạy học chung cho môn Thể dục, Âm nhạc, Tin học, hoạt động tập thể. Tuy nhiên, đến nay nhiều đồ dùng dạy học được cấp phát từ lâu đã hỏng và không phù hợp với tài liệu học tập của HS. [H3-3.5-01]

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức kiểm kê toàn bộ đồ dùng dạy học của các lớp. Đánh giá việc sử dụng và bảo quản của GV. Tiến hành thanh lý các thiết bị, đồ dùng hỏng và xây dựng kế hoạch bổ sung đồ dùng dạy học cho năm học tới. Đầu tháng 8 nhà trường tổ chức bàn giao và phát động tu sửa, cải tiến, làm bổ sung đồ dùng chuẩn bị cho năm học mới. [H3-3.5-01]

Mức 2:

a) 100% máy tính của nhà trường đều được kết nối Internet cáp quang tốc độ cao, đường truyền ổn định phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường (trong đó có 7 máy tính phục vụ hoạt động quản lý và 18 máy tính phục vụ dạy học). [H3-3.5-01]

b) Trường có đủ thiết bị dạy học từng môn, có thiết bị dạy học dùng chung theo quy định của thông tư 15/2009/TT- BGDĐT. [H3-3.5-01]

c) Hàng năm, nhà trường kiểm kê vào cuối năm học trên cơ sở đó dành kinh phí mua sắm, bổ sung thêm thiết bị dạy học và phát động giáo viên tự làm đồ dùng dạy học. [H3-3.5-01]

Mức 3

Hàng năm, sau khi phân công chuyên môn cho GV, nhà trường tổ chức bàn giao lớp học, bàn giao tài sản cho GV. Đồ dùng bàn giao cho GV được sắp xếp vào hệ thống tủ ngay trên phòng học, giúp GV thuận tiện trong việc sử dụng và bảo quản và được GV nghiên cứu cách sử dụng theo tổ khối trong buổi sinh hoạt chuyên môn. Nhà trường chỉ đạo cho các tổ khối trong mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn phải lên được kế hoạch chuẩn bị đồ dùng dạy học và thảo luận cách sử dụng đồ dùng dạy học như thế nào trong tiết dạy để đem lại hiệu quả cao. Nhà trường đã tiến hành kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của GV rất nghiêm túc. Bằng các hình thức: dự giờ thăm lớp, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra hồ sơ, sổ sách, kiểm tra kiến thức HS,... nhà trường đã thực hiện tốt công tác khuyến khích, thúc đẩy GV tích cực sử dụng và sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học. Ngoài ra, hàng năm nhà trường còn khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học thông qua các hình thức triển lãm, thi sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm. GV trong nhà trường đã tự làm được đồ dùng dạy học hiệu quả năm học 2017-2018, nhà trường đã tham gia triển lãm đồ dùng do phòng GD&ĐT tổ chức. Các thiết bị dạy học giúp cho các tiết học diễn ra sinh động, nhẹ nhàng, HS được quan sát, được thực hành trải nghiệm nên HS rất hào hứng, tích cực chủ động học tập vì vậy HS nhớ và nắm vững kiến thức. [H3-3.5-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ đồ dùng dạy học cho mỗi lớp, mỗi GV và HS theo danh mục đồ dùng của Bộ GD&ĐT quy định. Có các thiết bị dạy học hiện đại như máy tính, máy

chiếu, ti vi thông minh; có các thiết bị hỗ trợ các hoạt động tập thể như loa, đài, âm li,..Các đồ dùng, thiết bị dạy học của nhà trường đáp ứng tốt các hoạt động GD trong trường theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Ngoài hệ thống tủ đồ dùng thiết bị dạy học ở từng lớp, nhà trường còn bảo quản tại các phòng chức năng để tiện cho việc sử dụng.

Nhà trường đã có quy định khuyến khích và thúc đẩy GV sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học trong các giờ lên lớp. Luôn khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học và thực hiện đầy đủ quy định việc sử dụng thiết bị dạy học.

Nhà trường đã thường xuyên kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học, hàng năm.

3. Điểm yếu

Đồ dùng, thiết bị giảng dạy được cấp bị hư hỏng nhiều và một số không còn phù hợp.

Thiết bị dạy học tự làm của giáo viên chưa đa dạng, độ bền không cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học và tích cực sử dụng đồ dùng	Cán bộ, giáo viên	không	Trong các năm học	0
Tham mưu với các cấp có thẩm quyền, địa phương và hội phụ huynh hỗ trợ kinh phí để mua sắm thêm một số đồ dùng cần thiết cho lớp 2 và các lớp khác.	Hiệu trưởng	không	Tháng 8 hằng năm	40 triệu đồng

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	

Đạt	Đạt	Đạt
-----	-----	-----

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thư viện của nhà trường có diện tích 56m² với số lượng 15 902 cuốn: kho sách giáo khoa dùng chung: 2081 cuốn; kho sách nghiệp vụ: 876 cuốn; kho sách tham khảo học sinh: 5440 cuốn; kho chuyên 2025 cuốn; sách báo khác 740 cuốn gồm sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và tài liệu tham khảo đáp ứng cho công tác giảng dạy và học tập của GV, NV, HS. Thư viện được xây dựng theo mô hình Room to read. Thư viện đã có nội quy rất cụ thể, rõ ràng. Sách được phân loại và sắp xếp vào các tủ, giá thuận lợi khi tìm kiếm và sử dụng. Năm học 2017-2018 nhà trường đã xây dựng được 30 tủ sách lớp học với nhiều đầu sách phong phú do CMHS và HS các lớp ủng hộ và hàng năm được bổ sung. Thư viện nhà trường được công nhận là thư viện Tiên tiến. [H3-3.6-01]

b) Thư viện nhà trường có đầy đủ các sổ sách ghi chép, theo dõi như: Sổ mượn trả của GV, HS, biên bản bàn giao hàng hóa, sổ tài sản, kế hoạch hoạt động phòng thư viện, nhật kí ..., có bảng phân loại mã màu giúp việc tra cứu dễ dàng.

Hàng tuần thư viện mở cửa từ thứ 2 đến thứ 6 phục vụ cho CB, GV, NV và HS . Có lịch đọc cụ thể cho từng khối lớp theo các buổi khác nhau. Có đủ sổ sách theo quy định đối với thư viện trường. Sổ theo dõi mượn, trả sách của GV và HS. Sổ nhật kí theo dõi các hoạt động của thư viện và kế hoạch công tác của thư viện. Tủ sách lớp học được phân loại theo mã màu và sắp xếp hợp lí, kế hoạch sử dụng hiện bảo quản do ban thư viện lớp thực hiện. Sách trong các lớp hàng kì được đảo và luân chuyển trong khối và toàn trường.

Các trang thiết bị phục vụ cho việc quản lý, bảo quản tài liệu thư viện, việc đọc sách tại chỗ của GVNV, HS trong thư viện luôn được quan tâm đầu tư. Đặc biệt, các thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động GD tiểu học luôn được cập nhật đầy đủ để phục vụ hiệu quả các hoạt động GD của GV, NV và HS. [H3-3.6-01]

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, mua, vận động bổ sung nhiều loại sách báo và tài liệu tham khảo. Nhà trường được các nhà hảo tâm tặng tủ sách cho các lớp và bổ sung thêm vào thư viện trường. [H3-3.6-01]

Mức 2

Thư viện nhà trường được công nhận thư viện trường tiểu học đạt chuẩn Tiên tiến. [H3-3.6-01]

Mức 3

Thư viện có máy tính, tivi thông minh được kết nối internet để quản lý sách, thực hiện các tiết học tại thư viện, phục vụ việc tìm kiếm tài liệu. [H3-3.6-01]

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đầu tư xây dựng theo mô hình Room to read, thiết kế các loại tủ và giá sách đa dạng loại hình, kiểu dáng thu hút học sinh vào đọc sách.

Thư viện có diện tích rộng, chỗ ngồi đọc sách được thiết kế phù hợp với học sinh, các loại sách báo đa dạng, phong phú được cập nhật thường xuyên.

Các lớp đều có tủ sách lớp học với nhiều đầu sách phục vụ cho việc học tập.

Trang thiết bị trong thư viện đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu của thư viện đạt chuẩn, thư viện tiên tiến.

3. Điểm yếu:

NV phụ trách thư viện kiêm nhiệm, nghiệp vụ thư viện còn hạn chế nên việc sắp xếp, tổ chức các hoạt động liên quan đến sách còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Có kế hoạch xây dựng thư viện nhà trường theo hướng thư viện mở, thân thiện	Hiệu trưởng		Trong các năm học tới	
Thường xuyên cập nhật sách, báo, tài liệu tham khảo mới; bổ sung sách, tài liệu tham khảo mới, hỏng, tự học hỏi nâng cao nghiệp vụ.	NV thư viện		Trong năm học	3 triệu/năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 3

Điểm mạnh

Khuôn viên của nhà trường được quy hoạch hợp lý. Có công trường, biển trường và tường bao quanh theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. Diện tích của trường đảm bảo yêu cầu.

Đủ số lượng phòng học theo quy định. Chất lượng và thiết bị của phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Nhà trường có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Có đầy đủ các loại máy VP (máy tính, máy in) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, máy tính nối internet phục vụ các hoạt động GD.

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CB, GV, NV, HS, riêng cho nam và nữ. Công trình vệ sinh rộng rãi, được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, thuận lợi, an toàn, sạch sẽ.

Có nhà để xe cho CB, GV, NV và HS đảm bảo an toàn, thuận tiện.

Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

Hoạt động của thư viện của nhà trường đã đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CB, GV, NV và HS.

Điểm yếu

Nguồn kinh phí của nhà trường hạn chế nên việc bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn ở mức độ.

Kết quả:

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.1		x	x	x

Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	---
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện CMHS trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD HS, giúp cho việc thực hiện các nhiệm vụ năm học diễn ra đúng tiến độ, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. CMHS cùng với nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để huy động các nguồn lực phục vụ các hoạt động GD của nhà trường.

Trong những năm qua, nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ từ phía Đảng và chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS, chất lượng GD HS đã đạt hiệu quả tốt. Đồng thời đã huy động được nguồn lực lớn về tinh thần, vật chất, góp phần xây dựng thành công trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ II, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, chuẩn thư viện, kiểm định chất lượng cấp độ 3.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ BDD CMHS;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3 (nếu có):

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ BDD CMHS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi năm học, nhà trường kết hợp với CMHS thành lập Ban đại diện CMHS của các lớp và của nhà trường theo điều lệ Ban đại diện CMHS ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Mỗi lớp học của nhà trường có một ban đại diện CMHS gồm 3 thành viên, trong đó có 1 trưởng ban, 1 phó ban, 1 ủy viên; Ban đại diện CMHS của các lớp do

CMHS các lớp bầu ra trong hội nghị CMHS đầu năm học. Ban đại diện CMHS của nhà trường gồm các thành viên là trưởng ban đại diện CMHS của các lớp; Ban đại diện CMHS nhà trường bầu ra ban thường trực gồm 5 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 thư ký, 02 ủy viên. Ban đại diện CMHS của lớp làm nhiệm vụ phối hợp với GV chủ nhiệm lớp và các GV bộ môn tổ chức các hoạt động GD HS, phối hợp với GV chủ nhiệm lớp chuẩn bị nội dung của các cuộc họp CMHS trong năm học, tham gia GD đạo đức cho HS. Ban đại diện CMHS của lớp thường xuyên tổ chức lấy ý kiến CMHS của lớp về biện pháp quản lý GDHS và kiến nghị với GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn về biện pháp nâng cao chất lượng GD đạo đức, chất lượng dạy học. Ban đại diện CMHS của trường phối hợp chặt chẽ với hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện CMHS với nhà trường; kết hợp với hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMHS để nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, GDHS. [H4-4.1-01]

b) Ban đại diện CMHS có kế hoạch hoạt động theo từng năm học, có báo cáo tổng kết vào cuối mỗi năm học. Trong kế hoạch đã nêu rõ mục tiêu phấn đấu, những nội dung cần thực hiện trong năm học như: phối hợp với nhà trường quan tâm đến hoạt động dạy và học, GD đạo đức, nhân cách HS, thực hiện tốt việc quản lý GD con em tại gia đình, khuyến khích và ủng hộ các phong trào của nhà trường, quan tâm chăm lo, động viên CB, GV và HS; nêu rõ các giải pháp thực hiện, các kết quả đạt được và có điều chỉnh, bổ sung. Mỗi năm, trường tổ chức họp CMHS lớp 2 lần vào đầu năm học và đầu học kỳ II. Ban đại diện CMHS cấp trường sinh hoạt định kỳ 2 lần/năm học và họp đột xuất khi cần thiết. Trong các cuộc họp, nhà trường tiếp thu ý kiến về công tác quản lý, các biện pháp GD HS, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ HS, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS được thực hiện tốt. [H4-4.1-02]

c) Trong các năm học, vào đầu năm học và đầu học kỳ II ban đại diện CMHS của nhà trường đã họp để rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, đồng thời có điều chỉnh bổ sung kế hoạch để phù hợp với tình hình hình thực tế. Vì vậy trong các năm học ban đại diện CMHS luôn hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch đã đề ra, được toàn thể CMHS của toàn trường đồng thuận và tín nhiệm. [H4-4.1-02]

Mức 2:

Ban đại diện CMHS phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD. Ban đại diện CMHS cùng với nhà trường vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động GD như: các cuộc giao lưu, trải nghiệm, làm đồ dùng dạy học, trang trí không gian lớp, vệ sinh trường lớp... Đặc biệt, ban đại diện CMHS đã phối hợp chặt chẽ với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm trong việc GD đạo đức, việc học tập của học sinh, cung cấp cho học sinh những kiến thức thực tế, truyền thống của địa phương; những kỹ năng sống cơ bản, thiết thực, gắn gũi với thực tế cuộc sống của HS. [H4-4.1-02] ; [H4-4.2-03]

Trong các cuộc họp CMHS, nhà trường đã tổ chức tuyên truyền những kiến thức về pháp luật, chủ trương chính sách đối với GD như: giúp CMHS biết được quyền của trẻ em, quyền lợi của bảo hiểm y tế, quyền của CMHS được quy định tại Điều 96 của Luật Giáo dục; những điểm mới của ngành GD như: phát huy năng lực, phẩm chất người học; chương trình phổ thông mới, một số biện pháp GD học sinh, phương pháp dạy học con em khi ở nhà...

Ban đại diện CMHS đã phối hợp với nhà trường trong việc vận động trẻ khuyết tật đến trường học hòa nhập, vận động HS đi học đúng độ tuổi. [H4-4.1-01]

Mức 3:

Ban đại diện CMHS đã Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục HS; hướng dẫn về công tác tổ chức và hoạt động cho các Ban đại diện CMHS lớp. Vì vậy, nhà trường đã hoàn thành các nhiệm vụ năm học; HS được chăm sóc, GD và bồi dưỡng để phát triển năng lực, phẩm chất. Ban đại diện CMHS các lớp hoạt động đạt hiệu quả. [H4-4.1-02]

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS của nhà trường có cơ cấu, tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo đúng điều lệ Ban đại diện CMHS.

Nhà trường đã phối kết hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động.

Ban đại diện CMHS luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, đẩy mạnh các hoạt động, góp phần đáng kể vào phong trào chung của nhà trường. Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền để CMHS hiểu và đồng thuận trong việc thống nhất phương pháp giáo dục, cách đánh giá HS...

3. Điểm yếu

Một số CMHS đi làm công ty theo ca chính vì thế việc giáo viên gặp gỡ phụ huynh trao đổi kế hoạch hoạt động của lớp, của trường nên việc kết hợp GD giữa CMHS với GV chủ nhiệm còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Có kế hoạch để tuyên truyền CMHS nắm bắt được kế hoạch hoạt động của lớp, của trường	BGH, CMHS		Thường xuyên trong các năm học	
Thông báo kế hoạch của lớp, của trường tới CMHS vắng bằng hình thức khác: điện thoại, qua phần mềm "Trường xanh", qua nhóm Zalo	GVCN	CMHS có điện thoại thông minh, có kết nối Internet	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/

					Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3 (nếu có):

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường chủ động báo cáo với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch năm học, các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, các biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động, huy động học sinh ra lớp, công tác phổ cập GD, biện pháp tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng GD, phối kết hợp với CMHS,... để phát triển nhà trường. [H4-4.2-01]

b) Qua các cuộc họp CMHS, họp Đảng ủy, họp HĐND của xã, nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành GD về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường như: quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia BHYT, những điểm mới của ngành GD, về kế hoạch, chiến lược phát triển nhà trường... để nhân dân

địa phương, các tổ chức cá nhân nâng cao trách nhiệm của mình trong việc phát triển toàn diện nhà trường. [H4-4.1-01]; [H4-4.2-01]

c) Vào đầu năm học, nhà trường đã báo cáo với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về phương hướng nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Đảng ủy, chính quyền địa phương và nhà trường đã phối hợp với CMHS và các ban ngành đoàn thể để kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm quan tâm, hỗ trợ phong trào GD của địa phương. [H4-4.2-01]

Mức 2

a) Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đề Đảng ủy, UBND xã có kế hoạch phối hợp với các đoàn thể, CMHS và nhà trường huy động các nguồn lực, trong Năm học 2017-2018: mua sắm 152 ghế 1 chỗ ngồi cho HS, tiếp tục xây dựng vườn trường, cải tạo sân trường, làm vườn thực nghiệm, nâng cấp hệ thống điện, mua chậu cây cảnh, làm khẩu hiệu tuyên truyền các điểm trường với số tiền 206.115.000 đồng, năm học 2019- 2020 sửa chữa phòng học, học sinh cũ của trường, phụ huynh học sinh tặng ghế đá để phụ huynh đi đón con có chỗ ngồi, PH tặng thùng đựng rác cho các lớp; năm học 2020- 2021 PH hỗ trợ kinh phí đi lại, lệ phí cuộc thi quốc gia Toán Tiếng Anh HKIMO, SEAMO, thưởng cho HS có thành tích cao trong học tập, HS nghèo vượt khó; năm học 2021- 2022 PH hỗ trợ kinh phí thưởng cho HS đạt thành tích cao là 17 278 000 đồng...[H4-4.2-02]

b) Hằng năm, nhà trường đã phối hợp cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của thị trấn và các ban ngành ở địa phương tổ chức cho HS vui Tết Trung thu. Phối hợp với Ban công an thị trấn xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trường học, an ninh trật tự trong các dịp Tết, tuyên truyền, kí cam kết chấp hành luật An toàn giao thông, các tệ nạn xã hội, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, tổ chức các hoạt động trải nghiệm tại địa phương. Kết thúc năm học, nhà trường cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thị trấn tổ chức cho các em sinh hoạt hè tại nơi cư trú vui tươi, an toàn, lành mạnh. Phối hợp với trạm Y tế thị trấn trong công tác chăm sóc sức khỏe cho HS và bảo vệ môi trường; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm. Tổ chức các buổi nói chuyện để tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường, tư vấn tâm lý cho HS. Phối hợp với chi Đoàn nhà trường để chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, tìm hiểu các phong tục, văn hóa địa phương, tuyên truyền ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em tàn tật, trẻ em nghèo miền núi... [H4-4.2-02]

Mức 3

Nhà trường đang từng bước tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, cá nhân về bổ sung cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học, xây dựng đội ngũ, tổ chức các hoạt động GD, nâng cao chất lượng GD toàn diện của HS giúp HS trở thành những con người năng động sáng tạo có đầy đủ kiến thức kỹ năng. Từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, GD, một địa chỉ uy tín, tin cậy. [H4-4.2-01]

2. Điểm mạnh

Cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương luôn quan tâm, ủng hộ và chỉ đạo sát sao phong trào nhà trường.

Các tổ chức đoàn thể địa phương, CMHS luôn quan tâm đến phong trào GD của nhà trường với nhiều hình thức phong phú, vui tươi, lành mạnh, tạo hứng thú cho HS khi tham gia.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu để chính quyền địa phương huy động được các nguồn lực tài trợ các công trình thiết yếu phục vụ cho hoạt động GD.

Mọi hoạt động trong nhà trường luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và các cá nhân nên các phong trào phát triển tốt, đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung cơ sở vật chất từ ngân sách địa phương cho nhà trường còn ở mức độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục huy động sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm, các tổ chức XH.	BGH, CBGVNV, CMHS	Thời gian, kinh phí	Các năm học	
Tham mưu với đảng ủy, UBND để có nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương đầu tư cho nhà trường.	BGH		Năm học 2021-2022	1.000.000.000 đồng

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, đã tạo được mối quan hệ tốt với CMHS học sinh và xã hội; thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác GD toàn diện cho HS.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học.

Thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá HS, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia cùng thực hiện mục tiêu và kế hoạch GD.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền, phối hợp với các lực lượng xã hội, nhân dân địa phương để nâng cao chất lượng GD toàn diện cho HS, tăng cường CSVC cho nhà trường do đó CSVC trường học ngày càng khang trang, sạch đẹp, chất lượng GD không ngừng được nâng cao

Điểm yếu:

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường từ ngân sách địa phương còn ở mức độ.

Kết quả:

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, có cập nhật đầy đủ các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý GD, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường đã được phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hưng phê duyệt và được phổ biến công khai đến GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng. Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các kế hoạch đã xây dựng. Hàng năm đều rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp thực hiện kế hoạch nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy, học. Công tác phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo, giúp đỡ HS có khó khăn được quan tâm đúng mức. Nhà trường cũng đã xây dựng và tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với nội dung, hình thức khá phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế và tâm lý của HS, được các em tham gia tích cực, chủ động. Cùng với các trường trong xã, nhà trường đã làm tốt công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Trong 5 năm qua, kết quả giáo dục của nhà trường ở mức cao, bền vững.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, căn cứ vào quy định Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ GD và ĐT ngày 5/5/2006 và Thông tư số 32/2018 /TT-BGDĐT của Bộ GD và ĐT ngày 26/12/2018; căn cứ vào hướng dẫn của Sở GD&ĐT, của phòng GD&ĐT; căn cứ vào tình hình thực tế, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo các nội dung cụ thể, rõ ràng. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường và các tổ chuyên môn. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]

b) Kế hoạch của nhà trường có sự cân đối giữa các nội dung GD đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ đảm bảo cho HS được phát triển toàn diện. Các nội dung GD kỹ năng sống, các hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể theo chủ đề, chủ điểm, vui chơi, giao lưu văn nghệ, ... được nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý HS tiểu học, tạo điều kiện để các em phát huy tính chủ động, sáng tạo. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]

c) Các kế hoạch được tập thể CB, GV, NV đóng góp ý kiến xây dựng, được nhà trường giải trình với lãnh đạo địa phương, với phòng GD&ĐT tạo, với CMHS và đã được lãnh đạo phòng GD&ĐT phê duyệt sau hội nghị CB-CC-VC hằng năm.

[H5-5.1-01]; [H5-5.1-04]

Mức 2

a) Việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường mỗi năm học ngoài việc tuân thủ nghiêm túc chỉ đạo chuyên môn của cơ quan quản lý GD cấp trên từ đầu năm học mà mỗi khi nhận được các văn bản mới chỉ đạo của cấp trên như quy định về đánh giá HS, các cuộc thi, các cuộc giao lưu, các phong trào nhà trường đã kịp thời triển khai tới toàn thể CB, GV và NV và bổ sung vào các kế hoạch.[H5-5.1-01]; [H5-5.1-04]

b) Các kế hoạch của nhà trường rất cụ thể, tỉ mỉ, có sự tham gia đóng góp ý kiến của CB, GV, NV, HS và các lực lượng GD khác. Sau khi được phê duyệt của phòng GD&ĐT Nghĩa Hưng, kế hoạch của nhà trường được triển khai tới các thành viên của nhà trường và CMHS để cùng phối hợp và giám sát thực hiện. [H5-5.1-04]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đã được giải trình và được cấp trên phê duyệt, được công khai đến các thành viên trong trường và cộng đồng. Nhà trường luôn cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý GD.

3. Điểm yếu

Việc tuyên truyền, phổ biến, công khai kế hoạch GD của nhà trường tới cộng đồng chưa thật hiệu quả nên việc phối hợp giữa nhà trường với cộng đồng trong việc thực hiện mục tiêu GD còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Phổ biến và tuyên truyền kế hoạch giáo dục tới các thành viên trong trường và cộng đồng trong các buổi họp, giao ban trong nhà trường và các buổi họp với cộng đồng	HT, PHT, GV, NV		Hội nghị CM, hội nghị CMHS, kì họp HĐND thị trấn, hội nghị GD của thị trấn	
Xây dựng và thông qua chương trình phối hợp giữa nhà trường với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương trong việc tổ chức một số hoạt động giáo dục của trường.	HT, PHT, TPT Đội,	Tham mưu tổ chức hội nghị GD có đủ các ban, ngành, đoàn thể	Hội nghị GD của thị trấn	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;
- c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3 (nếu có):

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học bắt buộc theo quy định của Bộ GD&ĐT gồm: Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức, Kỹ thuật, Thủ công, Âm nhạc, Mĩ thuật, GDTC. Tổ chức dạy 2 môn tự chọn là Tiếng Anh cho HS từ lớp 3 đến lớp 5 và Tin học cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 5. 100% HS của trường được học 9 buổi/ tuần. Thời lượng các môn học được thực hiện theo quy định tại Chương trình phổ thông cấp tiểu học. Ngoài các môn học, mỗi tuần nhà trường tổ chức cho HS 1 tiết sinh hoạt tập thể và 6 tiết học kỹ năng sống. Nhà trường còn tổ chức cho HS tham gia các hoạt động ngoại khóa như làm vệ sinh môi trường, tham quan trải nghiệm, các hoạt động tập thể theo chủ đề, chủ điểm,...

[H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]

b) Để vận dụng các thành tố tích cực của mô hình trường tiểu học mới đạt hiệu quả, nhà trường đã chỉ đạo GV phát huy hiệu quả hoạt động của HĐTQ, chuẩn bị kĩ bài trước khi lên lớp, linh hoạt trong việc tổ chức hoạt động cho HS. Ngoài ra, nhà trường còn chỉ đạo các bộ phận chuyên môn hướng dẫn và yêu cầu GV áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như dạy học theo phương pháp trải nghiệm, dạy ngoài không gian lớp học, áp dụng phương pháp bàn tay nặn bột, dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới, dạy Tập làm văn theo hướng trải nghiệm, đảm bảo mục tiêu, nội dung GD theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học, phù hợp đối tượng HS của từng khối lớp và điều kiện nhà trường. [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]

c) Từ năm học 2017-2018 đến nay nhà trường thực hiện đánh giá HS theo thông tư 30/2014/TT- BGDĐT ngày 28/8/2014 và thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT, thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT. Trong quá trình đánh giá HS các đồng chí GV đã nhận xét cụ thể từng HS về khả năng nhận thức theo từng mạch kiến thức và nêu những biện pháp cần thực hiện trong thời gian tiếp theo, tất cả các nội dung đánh giá đều vì sự tiến bộ của HS, coi trọng việc động viên khuyến khích sự cố gắng của HS, giúp HS phát huy nhiều nhất năng lực phẩm chất, đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.[H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]

Mức 2

a) Trên cơ sở kế hoạch giáo dục đã xây dựng, nội dung chương trình đã lựa chọn, nhà trường xây dựng thời khóa biểu cho từng lớp, từng giáo viên. Công tác duyệt soạn của giáo viên theo lịch cụ thể vào thứ hai hàng tuần, thường xuyên dự giờ, thăm lớp, phân tích đánh giá chất lượng sau mỗi kì khảo sát, ...Các biện pháp trên đã giúp quản lý nhà trường giám sát hiệu quả việc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch dạy học, giáo dục, kiểm tra việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức dạy học của giáo viên. 100% giáo viên của trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, không cắt xén, bỏ giờ, bỏ buổi, đã lựa chọn những nội dung và hình thức dạy học phù hợp và đáp ứng với yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Một số phương pháp dạy học tích cực đã được áp dụng như phương pháp "Bàn tay nặn bột", dạy học theo hướng trải nghiệm, hình thức dạy học ngoài không gian lớp học, dạy học theo

hướng phát triển phẩm chất và năng lực, tăng cường thực hành và ứng dụng các kiến thức thực tế. [H5-5.2-03] ; [H5-5.2-03]

b) Ngay từ đầu năm học, nhà trường và GV chủ nhiệm các lớp tiến hành theo dõi và phân loại từng đối tượng HS để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện trong từng tiết học và trong từng mạch kiến thức. Công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ học sinh khó khăn được chú ý bồi dưỡng ngay tại các tiết học hàng ngày, ngoài ra trong năm học gần đây đã thành lập được CLB Thể thao, CLB em yêu Tiếng Việt, CLB Toán học, CLB Họa mi, CLB MC, CLB Cành cọ nhí để bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu. Năm nào nhà trường cũng có học sinh tham gia và đạt giải trong các kỳ thi, giao lưu cấp huyện trở lên.

Năm học	Số HS đạt giải Quốc gia, Tỉnh, huyện				Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học	
	Giải Quốc gia	Giải Tỉnh	Giải Huyện	Tổng số	SL	Tỉ lệ
2017 – 2018		0	45	45	10	1,20
2018 – 2019	1	18	52	71	19	2,20
2019 – 2020	24		5	29	7	0,84
2020 – 2021	131	1	54	186	5	0,86
2021 – 2022	101	1	64	166	7	0.09

Tỷ lệ HS chưa hoàn thành môn học, lớp học dưới 1%. HS khuyết tật được quan tâm thường xuyên, tùy vào khả năng của mỗi HS để xây dựng kế hoạch GD phù hợp. [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05].

Mức 3

Sau mỗi kì kiểm tra, sau mỗi học kì, mỗi năm học, nhà trường đã tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của các biện pháp tổ chức các hoạt động để tìm ra nguyên nhân, biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Công tác rà soát được tiến hành trong các buổi giao ban tháng, sơ kết học kì, tổng kết năm học và các phiên họp của Hội đồng trường. [H5-5.2-04]; [H5-5.2-06]; [H5-5.2-07]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch GD theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đã lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp, đáp ứng được khả năng nhận thức và điều kiện thực tế của địa phương. Nội dung dạy học, GD của nhà trường có sự cân đối hài hòa, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện HS.

Nhà trường cũng đã tổ chức cho GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục, đổi mới đánh giá HS khá hiệu quả. Đa số GV trong nhà trường đã biết vận

dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS, thực hiện đánh giá HS đúng quy định.

Công tác phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ, phụ đạo cho HS khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn được quan tâm, kết quả khá tốt.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Duy trì tốt các biện pháp đã thực hiện nhằm giám sát giáo viên thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, thực hiện đổi mới về đánh giá học sinh	BGH, tổ CM		Hàng ngày	
Chỉ đạo GV và các tổ CM tăng cường tự học, sinh hoạt chuyên môn các chuyên đề về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học.	BGH		Đầu năm học	
Tăng cường công tác dự giờ, thăm lớp để giúp đỡ giáo viên	BGH, TTCM		Hàng tuần	
Thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá các biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục để kịp thời điều chỉnh, bổ sung.	BGH		Hàng tháng, hàng kì	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS. Nội dung, thời lượng của các hoạt động thực hiện theo đúng kế hoạch GD của nhà trường. Nhà trường chỉ đạo các bộ phận, cá nhân phụ trách thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã xây dựng. [H5-5.3-01]

b) Nhà trường xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm vào tiết sinh hoạt dưới cờ, các hoạt động chủ điểm như: “ Thăm gia đình bạn nghèo” “ Chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ” chủ đề xây dựng trường học An toàn "Trường em An toàn không tai tệ nạn xã hội" "Vui hội trăng rằm", "Ngày gia đình hạnh phúc” “ Làm đồ dùng dạy học bằng vật liệu tái chế”, " Giao lưu thầy cô và mái trường", "Hội thi cắm hoa chào mừng ngày 8/3",...và nhiều hoạt động tập thể mà các em đã trực tiếp tham gia như trang trí, trưng bày góc học tập, trang trí lớp, làm những sản phẩm từ vật liệu tái chế, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường,... [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

c) Các hoạt động nhà trường được HS, GV, CMHS và cộng đồng hưởng ứng và tích cực tham gia. [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

Mức 2

Các hoạt động NGLL của nhà trường được xây dựng kế hoạch tổ chức cụ thể, chi tiết. Năm học 2021-2022 do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nên hoạt động NGLL của nhà trường tập trung vào các hoạt động trực tuyến như: văn nghệ, các hoạt động tập thể theo chủ đề, chủ điểm, hoạt động trải nghiệm thăm gia đình bạn nghèo, tìm hiểu di tích lịch sử qua màn ảnh nhỏ, làm các sản phẩm đồ dùng, bưu thiếp tặng mẹ, thầy cô...Các em được tham gia vào tất cả các hoạt động. Nhà trường đã khuyến khích HS đưa ra mong muốn, ý tưởng và tự tổ chức thực hiện ý tưởng của mình, GV là người định hướng, hỗ trợ các em. Chính vì vậy, HS rất chủ động và tự tin thể hiện khả năng của mình. [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

Mức 3

Ngoài những hoạt động chung dành cho tất cả các đối tượng HS, nhà trường còn tổ chức một số hoạt động nhằm phát huy năng lực, sở trường của mỗi HS, thông qua đó phát hiện bồi dưỡng HS có năng khiếu như hoạt động các Câu lạc bộ, liên hoan phát triển năng lực HS [H5-5.3-01]; [H5-5.3-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức một số hoạt động giáo dục khác phong phú, phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Các hoạt động được xây dựng kế hoạch cụ thể, rõ ràng và phân hóa theo nhu cầu và năng lực, sở trường của HS và được các em học sinh tích cực tham gia.

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch hoạt động GD NGLL cho mỗi một năm học. Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động của nhà trường tương đối phong phú, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường. Ngoài các hoạt động chung cho tất cả các HS nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, nhà trường còn có các hoạt động nhằm phát huy năng lực riêng của mỗi cá nhân HS. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường đã cuốn hút HS được HS tham gia tích cực, chủ động, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng GD của trường.

3. Điểm yếu

Do kinh phí còn hạn hẹp nên chưa tổ chức được nhiều các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường với quy mô lớn như đi thăm quan tại các làng nghề truyền thống.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp ngay từ đầu các năm học. Tăng cường các hoạt động nhằm phát huy năng lực sở trường của mỗi cá nhân học sinh.	PHT - TPT	Thành lập hội đồng tư vấn để xây dựng kế hoạch	Tháng 8 hàng năm	
Chuẩn bị mọi điều kiện về nhân lực, kinh phí nhằm tổ chức hiệu quả các hoạt động đã xây dựng	BGH, TPT, GV		Thường xuyên	40 triệu/năm
Tham mưu tích cực với CMHS, cộng đồng để tạo sự đồng thuận và phối hợp tổ chức.	HT	Nắm vững mục tiêu đổi mới GD	Các kì họp với CMHS và địa phương	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã kết hợp với trường Trung học cơ sở và trường Mầm non trong xã để làm tốt công tác phổ cập xóa mù chữ tại thị trấn Rạng Đông. Tất cả CB, GV, NV của nhà trường đều tham gia và được phân công phụ trách theo địa bàn tổ dân phố. Thông tin điều tra được xử lý trên phần mềm phổ cập nên số liệu rất chính xác và khoa học. Thông qua công tác điều tra, nhà trường cùng với các trường trong xã đã xây dựng và thực hiện các biện pháp để duy trì sĩ số, huy động trẻ trong độ tuổi tới lớp. Thị trấn Rạng Đông được Ban chỉ đạo phổ cập huyện công nhận đạt phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 2, nhà trường được công nhận Phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3 theo quyết định số theo Quyết định số 4981/QĐ- UBND của Ủy ban nhân huyện Nghĩa Hưng ngày 24 tháng 12 năm 2021. [H5-5.4-01]

b) Nhà trường tổ chức và thực hiện tốt Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của nhà trường hàng năm luôn đạt 100%. [H5-5.4-02]

c) Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ quản lý công tác phổ cập như sổ điều tra phổ cập, sổ đăng bộ, sổ theo dõi HS chuyển đi, chuyển đến, các biểu bảng thống kê. Tất cả hồ sơ được nhà trường cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, được lưu trữ và bảo quản tốt. Đặc biệt, công tác phổ cập của nhà trường và địa phương được quản lý bằng phần mềm nên rất khoa học và hiệu quả. [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03]

Mức 2

Hàng năm, vào đầu mỗi năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi trên địa bàn xã vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02]

Mức 3

Hàng năm, vào đầu mỗi năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi trên địa bàn xã vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%. [H5-5.4-02]

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đã cùng với các trường trong xã làm tốt công tác điều tra phổ cập, xóa mù chữ tại địa phương. Xã Nghĩa Bình được công nhận đạt mức cao nhất của công tác phổ cập xóa mù chữ, nhà trường được công nhận đạt mức cao nhất của công tác phổ cập GD tiểu học đúng độ tuổi.

Công tác huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm của nhà trường luôn đạt 100%.

Nhà trường có đủ hồ sơ sổ sách của công tác phổ cập giáo dục theo quy định. Hồ sơ được ghi chép cẩn thận, khoa học, lưu trữ tốt. Nhà trường cũng đã ứng dụng CNTT vào quản lý công tác phổ cập hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trên địa bàn thị trấn những năm gần đây học sinh chuyển đến nhiều, do cha mẹ chuyển từ nơi khác về gây khó khăn cho việc cập nhật điều tra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phổ cập thật cụ thể, chi tiết.	HT	Thống nhất với trường THCS và Mầm non trong TT	Tháng 8 hàng năm	
Nắm chắc số liệu trẻ 0-5 tuổi, cập nhật diễn biến của trẻ để chủ động huy động, tuyển sinh 100% số trẻ trong độ tuổi.	GV phụ trách TDP		Đầu năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3 (nếu có):

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Tập thể CBGV trong nhà trường luôn chú trọng đến công tác nâng cao chất lượng GD, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực của HS, đồng thời tăng cường các biện pháp giúp đỡ HS yếu đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng theo quy định của từng khối lớp. Vì vậy hiệu quả GD của nhà trường luôn ổn định, tỉ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học hằng năm đều đạt từ 99 % trở lên. [H5-5.5-01]

Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình lớp học trong 5 năm qua như sau:

Bảng thống kê HS lưu ban:

Năm học	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Tổng
2017- 2018	5	2	3			10
2018- 2019	9	4	1	4	1	19
2019- 2020	7					7
2020- 2021	4	1				
2021- 2022	6	1				7

Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình lớp học trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Toàn trường		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2017- 2018	813	98,8	170	97,1	151	98,7	161	98,1	167	100	164	100
2018- 2019	828	97,8	197	95,6	166	97,6	147	99,3	155	97,4	163	99,3
2019- 2020	818	99,2	145	95,4	202	100	165	100	151	100	155	100
2020- 2021	846	99,4	202	98,0	142	99,3	200	100	153	100	148	100
2021- 2022	892	99,2	195	97,9	200	99,5	140	100	203	100	154	100

b) Hằng năm, tỉ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của nhà trường đều đạt tỉ lệ trên 98 % [H5-5.5-03]

Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành và đang học chương trình tiểu học trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Tổng số		HTCCTH		Đang học tiểu học		Ghi chú
	Diện PC	Khuyết tật	SL	%	SL	%	
2017- 2018	184	3	173	94,02	11	5,98	
2018- 2019	157	0	151	96,18	6	3,82	
2019- 2020	158	2	151	95,57	7	4,43	

2020- 2021	155	5	146	94,199	9	5,81	
2021- 2022	157	11	154	98.08	3		

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học của nhà trường đạt từ 98% trở lên.[H5-5.4-01]

Tỷ lệ trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Tổng số		HTCCTH				Ghi chú
	Diện PC	Số KT	Số PC	%	Số KT	%	
2017-2018	666	6	655	98,35	19	100	
2018-2019	651	4	644	98,92	16	100	
2019-2020	661	3	652	98,84	11	100	
2020-2021	649	6	638	98,31	10	100	
2021-2022	617	11	606	98.21	11	100	

Mức 2

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong các năm học đạt 99,3 % đến 100%. [H5-5.5-01]

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học đạt trên 94%. [H5-5.5-03]

Mức 3

Các em học sinh của nhà trường đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học đạt trên 94% [H5-5.5-03]

c) Tỷ lệ trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong 5 năm qua đạt trên 98% [H5-5.4-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chất lượng giáo dục ở mức cao, bền vững. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,3-100%. Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 98%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi chưa đạt 100%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Duy trì các biện pháp giúp nâng cao chất lượng đại trà đã thực hiện	BGH, GV		Thường xuyên	
Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên dạy học theo định hướng phát triển năng lực, cá biệt hóa	BGH, GV		Thường xuyên	

quá trình dạy học, giúp phát huy tối đa năng lực của học sinh				
Tích cực bồi dưỡng HS năng khiếu ở tất cả các môn học	GV		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục theo đúng quy định và nghiêm túc thực hiện kế hoạch đã xây dựng. Nội dung dạy học, giáo dục của nhà trường có sự cân đối hài hòa, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện HS. Nhà trường cũng đã lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp, đáp ứng được khả năng nhận thức của HS và điều kiện thực tế của địa phương. Công tác chỉ đạo và tổ chức cho GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, GD, đổi mới đánh giá HS khá hiệu quả.

Việc phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ, phụ đạo cho HS khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn được nhà trường quan tâm, kết quả đạt được khá tốt.

Ngoài các môn học, nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (hoạt động trải nghiệm) cuốn hút HS, được HS tham gia tích cực, chủ động.

Nhà trường đã tốt công tác điều tra phổ cập, xóa mù chữ tại địa phương. Công tác huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm của nhà trường luôn đạt 100%. Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác phổ cập hiệu quả, lưu trữ hồ sơ tốt.

Chất lượng giáo dục của nhà trường ở mức cao, bền vững. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và học sinh 11 tuổi HTCTTH đạt 99,3-100%. Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 98%.

Điểm yếu.

Một số GV chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn các nội dung và hình thức tổ chức dạy học.

HS ít được đi tham quan, trải nghiệm ngoài nhà trường. Các hoạt động phát huy năng lực sở trường của HS còn hạn chế.

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.1		x	x	---
Tiêu chí 5.2		x	x	x

Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 3

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường mới chỉ được xây dựng theo các nội dung của chương trình giáo dục trong nước, chưa có những nội dung tham khảo Chương trình GD tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng HS và tình hình thực tế nhà trường và của địa phương

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất, các trang thiết bị của nhà trường chưa đáp ứng được chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực.

Năng lực một số GV chưa đáp ứng được các yêu cầu của chương trình GD tiên tiến

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực	BGH, GV	Tài liệu	Năm 2023	
Xây dựng cơ sở vật chất để đáp ứng chương trình giáo dục tiên tiến	BGH	Kinh phí	Năm 2025	10 tỉ đồng
Bồi dưỡng đội ngũ	PGD, SGD	Kinh phí	Trong các năm học	100 triệu/ năm

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Một số HS khó khăn, GV chủ nhiệm đã xây dựng kế hoạch giúp đỡ cụ thể và thường xuyên quan tâm, có những nội dung giảng dạy phù hợp nhưng khả năng hoàn

thành mục tiêu còn ở mức độ do việc giúp đỡ các em mất khá nhiều thời gian ảnh hưởng đến việc giáo dục của cả lớp.

Một số HS năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng nhưng chưa phát huy tối đa năng lực của các em do thời gian bồi dưỡng các em chưa được nhiều, các câu lạc bộ của nhà trường hoạt động chưa thực sự hiệu quả trong các năm học.

Việc bồi dưỡng các em có năng khiếu và giúp đỡ các em khó khăn chủ yếu là do giáo viên chưa huy động được các tổ chức và các cá nhân có liên quan tham gia.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phát hiện HS có năng khiếu và bồi dưỡng các em.

Các em HS khó khăn đã được xây dựng kế hoạch nội dung giáo dục riêng cụ thể .

3. Điểm yếu

Các em HS khó khăn chưa đạt được mục tiêu giáo dục

Chưa huy động được các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia vào việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu và giáo dục HS khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu để có thêm nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	BGH		Năm học 2022 - 2023	
Xây dựng các câu lạc bộ	BGH		Trong các năm	
Tích cực tuyên truyền để các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc giáo dục	BGH		Trong các năm học	
Đầu tư mua sắm các trang thiết bị cần thiết để phục vụ các hoạt động học tập, bồi dưỡng	BGH		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện nhà trường có tivi thông minh, có máy tính kết nối internet nhưng hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế chưa đáp ứng được các yêu cầu tất cả các hoạt động của nhà trường .

Đã có tài liệu số phong phú đáp ứng được cơ bản các hoạt động của nhà trường nhưng nguồn tài liệu truyền thống còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu tất cả các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thư viện Tiên tiến

Thư viện có ti vi thông minh, máy tính kết nối internet.

3. Điểm yếu

Hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng tốt các hoạt động của Thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với các cấp để xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại của thư viện	BGH	Kinh phí	Năm 2025	150 triệu
Bổ sung thêm các đầu sách truyền thống cho thư viện	BGH	Kinh phí	Trong các năm học	
Tiếp tục phát huy hiệu quả của thư viện	BGH, GV, VN, HS		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng chiến lược từ năm 2020 đến năm 2025. Năm học 2021-2022 là năm thứ 2 thực hiện chiến lược của nhà trường nên còn một số mục tiêu chưa thực hiện được như việc cải tạo cơ sở vật chất, nâng cao trình độ đội ngũ, ...

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chiến lược phát triển giai đoạn 2020- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 cụ thể, chi tiết phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và của địa phương và được phòng GD&ĐT phê duyệt.

3. Điểm yếu

Còn một số nội dung của chiến lược chưa hoàn thành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với các cấp để giúp nhà trường hoàn thành chiến lược	BGH, UBND xã		Trong các năm học	
Xây dựng các kế hoạch cụ thể, khả thi theo từng năm học	BGH, GV		Trong các năm học	

Thường xuyên đánh giá, rà soát việc thực hiện chiến lược của nhà trường	BGH, HĐT, các tổ chức đoàn thể		Trong các năm học	
---	--------------------------------	--	-------------------	--

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Từ Năm học 2017- 2018 đến năm 2021-2022 chất lượng khảo sát của nhà trường được đứng trong top đầu của huyện. Học sinh đạt giải trong các cuộc giao lưu cấp Huyện, Tỉnh (PTNL; Tiếng Anh ; Chữ viết đúng - đẹp...):

Năm học	Số HS đạt giải Quốc gia, Tỉnh, huyện			
	Giải Quốc gia	Giải Tỉnh	Giải Huyện	Tổng số
2017 – 2018		0	45	45
2018 – 2019	1	18	52	71
2019 – 2020	24		5	29
2020 – 2021	131	1	54	186
2021 – 2022	101	1	64	166

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm trực tuyến trong tiết sinh hoạt dưới cờ, hoạt động NGLL theo chủ đề nổi bật tạo dấu ấn cho học sinh như ” Vui hội trăng rằm” "Trường em An toàn không tai tệ nạn xã hội"; "Trải nghiệm thăm gia đình bạn nghèo"; "Tết yêu thương" "Thi cắm hoa chào mừng ngày 8/3" "Ngày gia đình hạnh phúc"... Xếp loại chung các mặt của nhà trường luôn đứng vị trí thứ nhất trong huyện, được UBND tỉnh Nam Định tặng cờ thi đua Xuất sắc theo quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh Nam Định, UBND tỉnh tặng Bằng khen, nhiều năm liên tục trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc của tỉnh Nam Định.

2. Điểm mạnh

Chất lượng giáo dục của nhà trường được đứng ở top đầu của huyện.

Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động giáo dục nổi bật và có ý nghĩa được PGD ghi nhận, có tác dụng lan tỏa trong các trường tiểu học toàn huyện.

3. Điểm yếu

Nhà trường có độ tuổi trung bình của giáo viên cao, ứng dụng công nghệ thông tin có hạn chế nên có ảnh hưởng tới một phần chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tập huấn nâng cao trình độ CNTT cho GV	BGH, GV	Tập huấn	Trong năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận:

Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và có tính khả thi.

Các em HS năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng, các em học sinh khó khăn được xây dựng mục tiêu riêng và được giúp đỡ.

Chất lượng của nhà trường đứng ở tốp đầu trong huyện.

Điểm yếu

Chưa có nhà đa năng.

Thư viện của nhà trường có diện tích nhỏ, hạ tầng công nghệ thông tin chưa hiện đại.

Kết quả : Tổng số tiêu chí : 5;

Số tiêu chí đạt : $1/5 = 20\%$

Số tiêu chí chưa đạt: $4/5 = 80\%$

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong những năm gần đây, trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông đã có nhiều thay đổi về CSVC, cảnh quan môi trường. Trường có đủ CSVC về phòng học, sân chơi, bãi tập, các phòng chức năng như phòng: Tin học, Thư viện, Mĩ thuật, Âm nhạc, ... để phục vụ hiệu quả cho các hoạt động GD. Đội ngũ có trình độ chuyên môn vững vàng, đáp ứng kịp thời với yêu cầu của ngành. Chất lượng các hoạt động GD ngày một nâng cao. Mọi hoạt động của nhà trường đều lấy HS làm trung tâm. Nề nếp, kỉ cương trường lớp luôn được giữ vững. Chính vì vậy chất lượng GD toàn diện của nhà trường được đảm bảo tạo niềm tin đối với Đảng, chính quyền địa phương, nhân dân cũng như CMHS.

Năm học 2021 - 2022, thực hiện thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Hội đồng tự đánh giá trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông đã tiến hành tự đánh giá chất lượng GD của nhà trường, kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 27/27 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 27/27 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 19/19 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 4:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 1/5 với tỉ lệ 20%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 4/5 với tỉ lệ 80%

Với kết quả đánh giá như trên, Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1;

Rạng Đông, ngày 30 tháng 5 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Hồng Duy